

HỌ ĐỖ BÔNG TRUNG THANH HÓA

Tín Hữu Ki Tô Giáo Đầu Tiên ở Việt Nam 1572

Người Đầu Tiên tiếp xúc với A Lịch Sơn Đắc Lộ và theo Đạo Hoa Lang 1627

Họ Đỗ Vô Địch Việt Nam với 60 Khoa bảng Tiến Sĩ

Bất Tiểu Nguyễn Quốc Bảo

Sống làm những vì tinh tú trên trời, chết làm thân quỳên dưới đất.

(Bài Tựa Gia Phả Họ Đỗ)

Tôi xin thưa ngay, tôi hiện không có một tài liệu nào đáng kể về Gia Phả Tộc họ Đỗ ở làng Bông Trung xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Tôi chỉ biết đến những phả này, khi đọc các bài viết trên Vọng Lạc (*Internet*), trong đó các tác giả có đề cập đến Đỗ Tộc Gia Phả. Tuy là tôi đã bỏ công liên lạc với những tác giả để xin sao lục một bản, nhưng không có kết quả. Tôi là cháu ngoại trong gia tộc Họ Đỗ, Bà ngoại tôi Cụ Đỗ Thị Hiền là Nữ Tộc đời 18; ít lâu nay tôi có ý định đi tìm để đọc nguyên bản Gia Phả, hầu chứng minh *những liên hệ rất sớm của Họ Đỗ với Đạo Hoa Lang, FaLang, tức Ki Tô Giáo*. Họ Đỗ cũng là một Đại Tộc nhiều khoa bảng nhất nước ta. Do đó tôi vẫn muốn có dịp và có cơ hội thuận tiện để trao đổi, tìm hiểu một cách thực tiễn hơn tại chỗ, và cũng hi vọng gặp lại các Con Cháu họ Đỗ có may mắn giữ được các tài liệu này, nguyên bản Hán tự hay các bản diễn Nôm. Vì thế, chỉ được đọc qua đây đó một vài tác giả, rồi ghi *notes*; nay có Ông họ Đỗ đời 19 hàng Cậu hỏi đến, nên cũng là cơ hội cho tôi, sắp xếp lại các *notes*, để đọc cho dễ hiểu khi muốn xác tín những đề mục nêu trên đây. Nhất là muốn minh xác về nguồn gốc Á Thánh Tử Đạo Giacôbê Đỗ Mai Năm, *Cụ là dòng họ Mai, nhưng về làm con nuôi nhà Họ Đỗ*.

Hiện nay, theo thiên ý, bản gia phả có nguồn gốc nhất là *Tông phả họ Đỗ do Cụ Đỗ Thiện Chính Hoàng* giáp khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 2 (1659) khi về trí sĩ biên soạn *từ khởi tổ đến đời thứ 11*, sau đó *con cháu* biên soạn tiếp đến đời thứ 13. Sau đó nữa, có Thạch phả do Cụ Đỗ Thời Viêm soạn vào cuối đời Minh Mệnh, đầu Thiệu Trị, mà gần đây, Ông Nguyễn Văn Thành viết lại và ghi : *từ đời một đến đời 14, tôi viết theo phả cũ của Họ Đỗ*, không biết ông muốn nói phả nào. Sơ lược bản phả này như sau : Khoảng năm 864, có bộ tướng họ Đỗ theo Cao Biền sang đánh quân Nam Chiếu đóng tại An Nam Đô Hộ Phủ¹. Năm 1418, Minh triều, khi Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, Tri huyện Thọ Xuân

¹ Cụ Tổ xưa nhất được Tông Phả chép lại là Sứ Quân *Đỗ Cảnh Thạc* vào thế kỉ thứ 10. Sứ quân bị Đinh Bộ Lĩnh tức Vua Đinh Tiên Hoàng dẹp năm 967 (Wikipedia). Ở Việt Nam, có rất nhiều Họ Đỗ ở rải rác nhiều nơi khác nhau. Tỉ như có Họ Đỗ xưa, ở Thanh Lăng Bình Xuyên, Cụ Thủy Tổ Đỗ Minh Khôi làm Hiệu

Thanh hóa là Đỗ Phú, dẫn quân Minh đi bắt Lê Lợi, khi Lê Lợi, chiếm lại Thanh Hóa, vây Tây Đô (1425) Đỗ Phú và gia quyến phải trốn sang Lào rồi chết tại đó². Năm 1428, Lê Thái Tổ ban bố Bình Ngô Đại Cáo, xuống chiếu chiêu an, đại xá thiên hạ, Đỗ Phiếm, hiệu Viên Thịnh từ Ai Lao về định cư ở Biện Đà, xã Biện Thượng, sau tách ra gọi là Đông Biện (Á Thánh Đỗ Mai Năm sinh ở quê tổ, tức Đông Biện). Thạch Phả viết Đồi Một, Cự Đỗ Phiếm nghèo khó, mấy chục năm sau³, con cháu nhiều người đỗ Hương Cống, Tiến Sĩ, con gái thì gả cho con trai họ Nguyễn làng Gia Miêu, nên sau họ Đỗ trở nên Cự Tộc. Các họ Đỗ, Phạm, Hoàng và Mai có công lập nên làng Đông Biện sau gọi làng Bồng Trung. Các Cự từ Đỗ Phiếm⁴, kể từ Đồi Hai, có tên: 2 Đỗ Bị (Viên Nhân), 3 Đỗ Bí (Viên An), 4 Đỗ Liễu (Viên Trung), 5 Đỗ Chính Đức, 6 Chính Nghĩa, 7 Chính Đạt, 8 Chính Nghiêm, 9 Chính Thành, 10 Chính Bình, và Đỗ Nhất Lương (Chính Trực) đời 11. Kể từ đời 11, Thạch Phả ghi Thân tộc: 12 Đỗ Văn Giáo (Chính Hảo), 13 Đỗ Văn Khoán (Thiệu Thanh) 1729-1812, 14 Đỗ Diễm (Chính Ý) 1757-1820, 15 Đỗ Thời Viêm (Hy Liễu), 16 Đỗ Quýnh, Cử nhân khoa Đinh Mùi 1847, 17 Đỗ Liệt. Thân sinh Bà Ngoại tôi, Cự Đỗ Các đời 17, Án Sát Sơn Tây (thường gọi Cự Án Sơn, để tránh gọi tên), là con út Cự Đỗ Quýnh.

Ông Phạm Hồng Lam trong những bài viết về Lịch Sử Công Giáo ở Việt Nam (Chú giải A : Về Họ Đỗ Làng Bồng Trung, tỉnh Thanh Hóa) có chép: Trong cuốn gia phả của họ Đỗ làng Bồng Trung, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, trang 18; dịch: “Nhánh thứ hai, đời thứ bảy, ông tổ là Đỗ Công Biểu đậu cống sinh khoa thi Hương năm kỷ

Sinh phủ Yên Lãng triều Lý đời thứ tư (1072-1128) tới nay đã 900 năm và 26 đời. Sách *Họ Đỗ Việt Nam* (Đỗ Tông chủ biên, NXB, VH-TT, Hà Nội 2001) viết Họ Đỗ là người Việt cổ sống từ xa xưa, 5000-6000 năm về trước, trước cả thuở lập nước Văn Lang, trước cả thời vua Hùng đời thứ nhất. Theo *Cổ Lôi Ngọc Phả Truyền Thư, Bách Việt Tộc Phả* thì những người họ Đỗ xa xưa nhất là Cự bà họ Đỗ, húy Ngoạn, hay Công chúa Đoan Trang, gọi theo họ là Đỗ Quý Thị. Chồng là Nguyễn Minh Khiết tức Đế Minh, con là Lộc Tục tức Kinh Dương Vương. Mẹ và miếu thờ cụ ghi trong thư tịch cũ vẫn còn ở Ba La, thị xã Hà Đông. Cụ theo đạo Bà La môn, đạo hiệu là Hương Vân Cái Bồ Tát. Thời Hùng Vương thứ Sáu có Đỗ Phụng Chân ở trang Khê Kiều, huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình có công đánh giặc Ân, được tôn làm Thành Hoàng. Thời Hùng Nghị Vương (thứ 17) ở trang Nhân Lý, nay là làng Tiểu Quan (Châu Giang, Hưng Yên) có một gia đình họ Đỗ (Đỗ Quang) gồm 2 trai 1 gái đã có công giúp nước. Thời Hùng Vương thứ 18, ở trang Cổ Tiết (Thái Bình) có gia đình Đỗ Công Diễm và ba con trai Đỗ Quân Tấu, Đỗ Lục Lang, Diễm Khánh và con gái là Liên Nương đã có công chống giặc, giúp dân, được suy tôn làm Thành Hoàng làng. Từ đầu Công nguyên, nhất là từ thời Hai Bà Trưng, các nhân vật họ Đỗ được ghi tên trong sử sách ngày càng nhiều. Hiện nay, họ Đỗ Việt định cư từ miền cực Bắc đến tận Cà Mau, ước lượng khoảng 320 chi và nhánh họ Đỗ (trong đó có 124 chi họ Đỗ ở vùng Nghệ - Tĩnh, Nam Thanh Hoá, gọi là Đậu). Nhưng hình như trên thực tế, con số này chỉ là một phần nhỏ trong tổng số thực sự các chi nhánh họ Đỗ.

² Tông Phả và các bản khác nói Cự Đỗ Phú có từ Lào về Việt Nam khoảng 1430 và qua đời tại Việt Nam. Nhưng trường Nam, Cự Đỗ Phiếm đem gia đình về định cư ở Đông Biện, nên được xem như Tổ Đồi Một Họ Đỗ ở Đông Biện.

³ Từ năm 1470 dưới triều Lê Thánh Tông, đã có Đô Đốc Quốc Công Đỗ Nhuận.

⁴ Tôi nghĩ có lẫn lộn Tên Các Cự Trưởng Chi, Thứ Chi và Thứ Thứ Chi. Xin xem Phụ Lục phần cuối bài.

dậu, đòi vua Chính Trị năm thứ bảy. Đến năm Chính Trị thứ mười lăm được khâm sắc là Kiệt tiết tuyên lược công thân, đặc tấn Kim tử Vinh lộc đại phu, chức Lại bộ thuyên khảo thanh lại ti viên ngoại lang, tước Lương Khê Nam, tên Thuy là Mỹ trinh hiền, hiệu là Trúc Lâm tiên sinh. Ngài là con thứ ba (của ông Trinh Kính) bà mẹ họ Dương hiệu là Từ Ái; sinh đặng ba người con. Mộ chôn tại xứ Côn Cổ Ngựa, kỵ ngày mông bảy tháng mười; người thiếp có mộ chôn tại xứ Côn Xương, kỵ ngày 16 tháng tư. Con đầu là Viên Đức, con thứ là Hưng Viễn theo đạo Hòa Lang⁵". Ông Lam, trong bài viết, muốn tìm hiểu Đỗ Hưng Viễn theo đạo Ki Tô vào năm nào và dịp nào. Và Ông cũng muốn điều chỉnh chuyện Đỗ Công Biều (Biểu) đậu cống sinh⁶ khoa thi Hương⁷ năm Kỷ Dậu, đòi Chính Trị thứ 7 và được đặc tấn Kim tử Vinh lộc Đại phu, năm Chính Trị 15, tuy Chính Trị 14 là năm cuối. Điểm đáng tiếc là tác giả quên nói đến chi tiết hay quên giới thiệu phả Họ Đỗ mà Ông đã dùng và được đọc đến để diễn Nôm trang 18.

Tôi có ghi được một phần của Gia Phả, đòi thứ Bảy, tương tự như trên mà không biết có phải là *Tông Phả* hay không, bản diễn Nôm *Thứ Chi Hựu Thất Đại Tổ* chép lại như sau :
THỨ CHI HỰU THẤT ĐẠI TỔ
(Đòi thứ bảy con thứ chi thứ)

⁵ Tác giả Phạm Hồng Lam viết Hòa Lang thay vì Hoa Lang, hay FaLang, là có lỗi chính tả. Nhiều người tưởng viết Đạo Hòa Lang là *La Religion des Hollandais*; đó là sai lầm lớn, vì vào thế kỉ XVII, người Hòa Lan nổi tiếng thời ấy là những tín đồ nhiệt thành phái Dị giáo Tin Lành (*hérétiques Protestants*), kẻ thù của Công Giáo *Catholicisme* (từ hậu bán thế kỷ 16 và về sau kéo dài khá lâu, Công Giáo *Église Catholique* rất mạnh và xem các Đạo *Eglises* khác là kẻ thù). Đạo Hoa Lang hay FaLang khi truyền đến Việt Nam, tức ngày nay là Ki Tô Giáo 基督教, 耶穌教 *jidū jiào, yesu jiào*, Thiên Chủ Giáo 天主教 *tian zhǔ jiào*, phải được dịch là Đạo của người Bồ Đào Nha (*La Religion des Portugais*), vì khi tới Đông Nam Á, người Bồ ăn mặc quần áo sặc sỡ, nên người Việt ta gọi họ là người *Hoa Lang* (hay *Falang*, theo thổ âm Quảng Đông). Hoa Lang 花郎 *huā láng* có nghĩa người hoa hòe, Lang 郎 đây diễn Nôm là anh chàng (*gentleman*). Cảm ơn Ông Bạn Nguyễn Tấn Hưng và các bạn đã nhắc nhở điểm này.

⁶ Cuốn *Từ điển Việt - Bồ - La (Dictionarium Annamiticum, Lusitanum, et Latinum, Roma, 1651)* của A Lịch Sơn Đắc Lộ Alexandre de Rhodes (1593-1660) và các bạn Dòng Tên của ông, đồng tác-giả, làm 87 năm sau thời Cụ Đỗ Công Biều đậu Cống Sinh (1564-1651), theo Phạm Hồng Lam, có định nghĩa chức Cống, Ông cống hay Hương cống, chỉ bậc nhì trong kỳ thi Hương, ai đỗ chức ấy thì được miễn thuế. Vậy hẳn là cái chức ngày nay gọi là Cử nhân. Như vậy Cụ Biều đỗ Hương Cống năm Kỷ Dậu 1564. Những bộ sử ký và các tài liệu chính thức khác, thường hay nói đến các Cống sĩ để chỉ những người thâm nho, những học sinh, những thí sinh; nhưng ít khi gặp chữ Cống Sinh.

⁷ Tác giả Phạm Hồng Lam cũng có ghi : Theo Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú, thì trong đòi Chính Trị 1558-1571, có bốn khoa thi, 1558 năm Kỷ vị, Chính Trị đệ nhị; 1562, năm Nhâm tuất, Chính Trị đệ ngũ; 1565, năm Ất sừu, Chính Trị đệ bát; và 1571, năm Tân vị, Chính Trị thập tứ. Vậy thì trong năm Chính Trị đệ thất không mở khoa thi. Bộ Cang mục chép có hương thi ở Tây Đô trong Chính Trị thứ bảy, năm 1564 quả không có khoa thi nào. Song le, năm 1565, có một khoa thi Hội, đỗ thì bậc tiến sĩ xuất thân và Đông xuất thân; nhưng những khoa thi Hội ấy mở sau các khoa thi Hương, Hương thí mở trước Hội thí một năm. Vậy Cụ Đỗ Công Biều hẳn phải có đi thi Hương năm 1564 và đỗ chức Cống sinh (Hương Cống).

NIÊN HIỆU CHÍNH HOÀ TRỊ NĂM THỨ BẢY KỶ DẬU KHOA HƯƠNG THÍ CỐNG
SINH, NIÊN HIỆU CHÍNH TRỊ THỨ MƯỜI LĂM SẮC PHONG THỤ KIẾT TIẾT
TUYÊN LỰC CÔNG THẦN, ĐẶC TIÊN KIM TỬ VINH, LỘC ĐẠI PHU LẠI BỘ,
THUYỀN KHẢO THANH LẠI, TY VIÊN NGOẠI LANG, LƯƠNG KHÊ NAM, ĐỖ
CÔNG LỆ, THỤY MỸ CHÂN HIÊN, HIỆU TRÚC LÂM TIÊN SINH

Ông là con trai thứ ba cụ Trung Kính (Con trai thứ hai của bà sau), vợ là Dương Thị Ái, sinh được ba người con. Mả ông ở Cổ Ngựa, giỗ ngày 7 tháng 10 Âm lịch, mả bà cồn Suong, giỗ ngày 26 tháng 4 Âm lịch. Con trai trưởng là Đỗ Viên Đức. *Con trai thứ hai là Đỗ Hưng Viễn đi Công giáo.*

Niên Giám 2005 của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam cũng thế, chỉ nói suông : Đỗ tộc gia phả tìm thấy ở họ Bông Trung, xứ Kẻ Bên, ông Đỗ Hưng Viễn, người con thứ hai của cụ Đỗ Biểu (thay vì Đỗ Công Biểu) một vị quan lớn của triều đình thời Lê Anh Tông (1556-1573), đã tiếp xúc với tàu buôn, người Hoa Lang, và theo đạo Hoa Lang. Cũng theo quyển gia phả này, ông Đỗ Viên Mãn (là con trưởng của cụ Đỗ Cảnh) đã theo đạo Hoa Lang khi có dịp tiếp xúc với người ngoại quốc cập bến Cửa Bạng (Ba Làng).

Trong Thời Đại số 7, 1992, giáo sư Bùi Trọng Liễu viết về sự tích ông Thành Hoàng Họ Đỗ "Thôn Tư", tổng Bông Hải, tỉnh Ninh Bình, đề cập đến Gia Phả họ Đỗ (do Ông Đỗ Minh Tiết và gia đình đã cho tác giả đọc và sử dụng đoạn gia phả này) ở làng Quyết Trung có ghi: "*Ông tổ họ Đỗ (trong gia phả không chép tên) vốn quê ở xã Gia Miêu đạo Thanh Hoa (sau này là tỉnh Thanh Hoá), đỗ Tạo sĩ (thi Võ) đời vua Lê Thuần Tôn (1732-1735), lúc đó chúa Trịnh Giang, con chúa Trịnh Cương, đang cầm quyền. Ông không làm quan, theo anh ra Bông Hải lập ấp. Ông giàu có, lại có tính hào hiệp, mà lại không có con ; ông cùng anh và dân trong vùng lập đền "Thôn Ba" thờ hai ông tiến sĩ triều Lê, làm chùa Độ thờ Phật, và mở chợ để dân buôn bán, lại xây đình ở chợ" "Phần tra cứu về ông Thành hoàng ở Bông Hải là do cụ Đỗ Bằng Đoàn (1905-1986), thân sinh của Ông Đỗ Minh Tiết, dịch từ Ngọc phả chữ Nho của đền thờ Thành hoàng "Thôn Tư" tổng Bông Hải và ghi chép lại. Ông cụ cũng là đồng tác giả của cuốn Việt Nam Ca trù biên khảo, Saigon 1962, xưa là chức sắc tổng Bông Hải, nên biết rõ chuyện vùng này". Ngọc Phả này ghi lại một nhánh Họ Đỗ thế kỷ 18, tức cùng thời Đời 13 Đỗ Văn Khoán (Thiệu Thanh) 1729-1812 và gần thời Thánh Tử Đạo Đỗ Văn Năm 1781-1838, ra lập ấp ở Bông Hải và trở thành Thành Hoàng Thôn Tư. Nhưng khi chép "vốn quê ở xã Gia Miêu", e có sai lầm chằng, vì tất cả các phả kể trên ghi rõ Đời Một họ Đỗ từ Ai Lao về định cư ở Đông Biện, tức Bông Sơn, Thanh Hóa. Phả cũng có ghi "*con gái thì gả cho con trai họ Nguyễn làng Gia Miêu, nên sau họ Đỗ trở nên Cụ Tộc*". Phả họ Đỗ có hẳn một Chương viết về con rể cháu ngoại là người Gia Miêu Ngoại trang huyện Tông Sơn.*

Một tác giả khác, ký tên là DoCongKysuu, cho biết về lịch sử thành lập làng Bông : Ruộng đất làng Bông ít nhưng bù lại, làng nằm ngay tả ngạn sông Mã, lại có đường liên

huyện chạy qua nên trên bến, dưới thuyền tấp nập, có chợ lớn, là trung tâm buôn bán của cả vùng nên ngoài nghề nông, dân còn sống bằng nghề buôn bán, làm các loại bánh quê đem bán khắp các chợ, các làng trong vùng. Làng còn có nghề bồ cau tươi, phơi khô bán quanh năm.

Người làng Bông đi ra ngoài nhiều, người đi buôn, người dạy học, người đi làm quan. Truyền thuyết nói rằng Ngọn núi đá có chiếc mũ Tiến sĩ ở Nhạm thôn châu về làng, trước làng con đê quai bên kia sông Mã có hình chiếc đòn cang nên người làng Bông ngày xưa có nhiều người đỗ đạt làm quan, Tiến sĩ văn có, Tiến sĩ võ có, Hương cống, Cử nhân rất đông, Tú tài lại càng nhiều hơn. Chính vì làng có nhiều người đỗ đạt nên xưa kia đã có những câu truyền miệng trong dân gian "*Voi ngựa về Bông, Báo*" Người ta còn xếp: "*Đông Cổ Am⁸, Nam Hành Thiện⁹, Nghệ Quỳnh Đô, Thanh Đông Biện*" Hoặc "*Nghệ Đông thành, Thanh Đông Biện*". Từ xưa người Thanh còn xếp *Hoàng Nghĩa¹⁰, Đông Biện* là hai làng đỗ đạt đông nhất tỉnh Thanh. Theo *phả họ Mai*, cư dân đến Bông trung lập nghiệp là cuối đời Trần, khi Hồ Quý Ly xây thành Tây Giai (1397), có bắt nhiều người ở Nga Sơn đi xây thành. Nhiều cụ già ở Nga Sơn, khi đi tiếp tế cho con cháu xây thành đã nhận thấy mảnh đất dọc tả ngạn sông Mã giữa hai làng Biên Thượng và Biên Hạ còn hoang vắng nhưng mầu mỡ, phù sa sông Mã hàng năm bồi đắp. Các cụ đã vỡ hoang, lập ruộng vườn, làm nhà, để tiện tiếp tế cho con cháu và lấy chỗ sinh nhai. Làng Bông Trung¹¹ *đã hình thành năm 1397*; Cư dân *đầu tiên là người từ Nga Sơn* lên. Khi giặc Minh cướp nước ta, dân cư làng nhỏ này siêu dạt lên mạn rừng núi thượng du Thanh Hoá hoặc sang Lào.

Năm 1428, Vua Lê thái Tổ lãnh đạo dân ta hoàn thành công cuộc chống giặc Minh. Nhà Vua hạ chiếu khuyến nông, kêu gọi dân lưu tán trở về vỡ hoá. *Người đầu tiên trở về làng là ông tổ họ Đỗ (Đỗ Phú)*. Năm 1470 hai chàng trai họ Đỗ¹², được *họ ngoại tiến cử* theo vua

⁸ Hải Phòng

⁹ Nam Định

¹⁰ Xã Hoàng Lộc thuộc huyện Hoàng Hóa, trước 45, tên là Hoàng Bột, gồm hai làng Hoàng Nghĩa và Bột Hưng. Hoàng Nghĩa có truyền thống về học hành khoa cử, đã sinh sản ra nhiều khoa bảng nổi tiếng. Trong hơn bốn thế kỷ, Hoàng Lộc có mười hai người được đề danh trên bảng vàng đại khoa, trong đó có bảy vị được khắc tên tại bia đá đặt tại Văn Miếu Quốc Tử Giám; có hai người đỗ tam khôi là ông Bảng nhãn Bùi Khắc Nhất và ông Thám hoa Nguyễn Sư Lộ; hai người đỗ Đình nguyên Hoàng giáp là ông Nguyễn Thứ và ông Nguyễn Lại (hai kỳ thi này không lấy tam khôi); một người đỗ Hội nguyên là ông Nguyễn Nhân Thiệm và hai người đỗ Hoàng giáp là ông Nguyễn Cẩn và ông Nguyễn Bá Nhạ. Tài liệu Wikipedia.

¹¹ Từ cái tên ban đầu thuở khai sinh lập địa, là làng Biện Đà rồi đổi thành Đông Biện. Đến năm Ất Dậu Hàm Nghi 1 (1885), Đông Biện mới đổi tên là làng Bông Trung và tên này được lưu giữ tới ngày nay.

¹² Năm 1470 hai vị trai làng người họ Đỗ đã một lòng theo vua Lê Thánh Tông đi dẹp giặc Chiêm Thành và một vị lập công xuất sắc nên nhà vua đã phong tới chức đô đốc phủ tá đô đốc, sau nhà vua còn sắc

Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm thành đã lập công xuất sắc; *Đỗ Nhuận* đã làm đến đô đốc phủ sau tăng Cánh quốc công. Làng cũng có Ông *Đỗ viên Đạo*, sống thời Lê Thánh Tông, Ông làm thầy thuốc, thầy phong thủy. Trong gia phả chi 15 (*Thạch Phả* 1839-1842), sau này, Cụ Đốc học *Đỗ Thời Viêm*¹³ cũng chép lại tương tự. Họ *Đỗ* khi vinh hoa lại thường đem con gái gả cho con trai họ *Nguyễn là họ công thân ở Gia miêu*. Nên thường có con rể, cháu ngoại là những người rất có thế lực thời đó. Phả họ *Đỗ* có hẳn một Chương viết về con rể cháu ngoại là người *Gia Miêu Ngoại trang huyện Tông Sơn*.

Vào năm Quang Thuận VI (1465), con gái họ *Đỗ* là bà *Đỗ Thị Hạnh* đã kết duyên cùng Quốc công Nguyễn Như Trác tức là ông nội của Nguyễn Kim sau này. Đến năm Hồng Đức III (1472) lại thêm bà *Đỗ Thị Đức* lấy Trưng Quốc Công Hoàng Lựu là thân sinh của Nguyễn Kim. Năm Hồng Đức XIII (1482) lại có bà *Đỗ Thị Kính* lấy Hộ bộ Thượng thư Quỳnh Sơn Hầu Nguyễn Lữ. Năm Quang Thiện IV (1519) bà *Đỗ Thị Tín* lấy ông Chiêu công Huân Nguyễn Kim và chính bà *Tín* thân mẫu của bà Nguyễn Bảo Ngọc, sau này là vợ của chúa Trịnh Kiểm, người cùng làng Đông Biện, mẹ chúa Trịnh Tùng tức Minh Khang Thái phi. Người em ruột của Nguyễn Kim là Uy sơn Hầu Nguyễn Tông Thái cũng kết duyên với người họ *Đỗ*, đó là bà *Đỗ Thị Chi* vào năm Chính Trị VIII (1568). Về sau người con trai của Nguyễn Hoàng là Lý Công Nhân Nguyễn Hán cũng lấy vợ họ *Đỗ* Đông Biện. Bà *Đỗ thị Tâm* thì Lấy Cẩm Quận Công Nguyễn Hải.

Nhân vật hữu danh trong làng còn có ông *Mai An Dũng*, vừa làm ruộng, vừa kéo vó đánh cá (1513- 1602). Khi câu cá ở bên sông Bồng, ông thấy xác một bà cụ bị bỏ rọ trôi sông. Động lòng thương xót, ông vớt lên an táng tại bờ sông. Hôm sau ông Trịnh Kiểm đi tìm xác mẹ dọc sông, gặp An Dũng, Ông giúp ông Kiểm đưa xác mẹ về chôn ở mả Sáng. Ông Kiểm bắt gà cảm ơn, Ông Dũng từ chối. Năm 1543 ông Kiểm kéo quân về làng Bồng, An Dũng trở thành tướng nhà Trịnh. Ông Kiểm dặn dò con cháu phải nhớ ơn An Dũng, Ông được phong là Quận công, đóng quân tại Eo Lon, vốn cần cù dù bận việc quân, Ông vẫn cùng dân lập làng *Toán Nghệ*. *Họ Tông* có hai ông Quận công. *Họ Phạm* cũng có hai Quận công. *Họ Đỗ* *Họ Nguyễn* cũng có nhiều người làm Tướng theo Họ Trịnh đi đánh nhà Mạc.

Năm chính trị thứ 15¹⁴ con thứ 2 Ông Kim tử Vĩnh Lộc Đại Phu *Đỗ Công Biểu*; *Đỗ Hưng*

phong là Quốc công đó là cụ *Đỗ Nhuận*. Quốc công *Đỗ Nhuận* (quan nhà Hậu Lê) sinh được năm người con trai cũng đều đỗ tiến sĩ vào đời vua Lê Thánh Tông và vua Lê Hiến Tông.

¹³ Nhân tài Làng Đông Biện không thiếu, sau này, Cụ *Đỗ Thời Viêm* người họ *Đỗ* Đông Biện làm quan đốc học tại tỉnh Ninh Bình. Hay Cụ Nguyễn Huy Tế người họ Nguyễn Đông Biện làm tới chức tả thị lang bộ hộ, đều là những người trung trực, ngay thẳng nên trong triều đã được vua Tự Đức sùng ái.

(Wikipedia)

¹⁴ Triều Chính Trị chỉ có 14 đời (1558-1571), niên hiệu Chính Trị khởi từ năm Mậu ngọ, 1558, đến năm Tân vị 1571 thì hết, kể được 14 năm. Quả thế bộ Càng Mục chép cho chúng ta biết rằng tháng giêng năm

Viễn theo đạo Công giáo (1572). Tộc phả Họ Đỗ ghi: Ông giữ Đạo đến khi cuối đời. Con cháu Ông sau này không có ai là người Công Giáo. Phả họ Đỗ cũng ghi thời chúa Trịnh Tráng (1577-1657)¹⁵, con cả Ký Quận công Đỗ Cảnh là Đỗ Viên Mãn đã theo đạo Công giáo (1627). Sách nói các Ông là người Việt Nam đầu tiên theo đạo Công giáo.

Hai chi tiết trên, nếu ghi rõ trong Tông phả Họ Đỗ, cho thấy không những tên trùng hợp với hai bài viết đã dẫn, tác giả Phạm Hồng Lam kể một người họ Đỗ, Đỗ Hưng Viễn theo đạo Hoa Lang và Niên Giám Giáo Hội Việt Nam nói đến hai người họ Đỗ, Đỗ Hưng Viễn và Đỗ Viên Mãn theo đạo Hoa Lang, mà còn ghi rõ năm hai Cụ này rửa tội trở lại đạo Ki Tô, Cụ Viễn năm 1572, Cụ Mãn năm 1627. Ông Lam vì không có chi tiết này, nên dùng khảo cứu của linh mục truyền giáo Cố Thảo (Père Poncet, MEP¹⁶) trong *Bulletin des Amis du Vieux Huê*, N° 1, t. XXVIII, 1941, là trang 81-91¹⁷ nói về « L'un des premiers Annamites, sinon le premier, converti au Catholicisme »¹⁸, người Việt nam, có lẽ là người đầu tiên theo đạo Ki Tô ; để phỏng đoán Cụ Viễn rửa tội vào khoảng 1560-1570.

Nhâm thân, 1572, vua Lê Anh Tôn làm lễ tế Giao có để roi cái lư trầm. Cái triệu bất thường ấy khiến người ta phải lo yểm trừ gấp bằng cách thay đổi niên hiệu, và năm 1572 thay cho năm Chính Trị thứ mười lăm, thì lại đặt niên hiệu Hồng Phúc đệ nhất; nhưng còn có xảy ra nhiều chuyện quan trọng hơn. Ngày 21 tháng 11 nghĩa là vào khoảng cuối năm 1572 hoặc đầu năm 1573 vua Lê Anh Tôn cùng bốn người con trốn vào Nghệ An, ngày 22 tháng giêng năm quý dậu, 1573, nhà vua thăng hà, có lẽ bị Trịnh Tông sát. Đối với dân chúng, ít ai hay biết những chuyện ấy; và năm 1572 đáng là niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất, người ta chỉ gọi là niên hiệu Chính Trị thứ mười lăm, mãi cho đến sau chuyện xảy ra đã lâu mà cũng gọi thế. Theo Phạm Hồng Lam.

¹⁵ Thanh Đô vương Trịnh Tráng (鄭樞, 1577–1657) là chúa Trịnh thứ 3 thời Lê trung hưng và là chúa thứ hai chính thức xưng vương khi còn tại vị, nắm thực quyền cai trị miền Bắc nước Đại Việt từ năm 1623 đến 1657.

¹⁶ MEP, linh mục Thừa Sai thuộc dòng Misions Étrangères de Paris.

¹⁷ Tác giả Phạm Hồng Lam ghi *Bulletin des Amis du Vieux Huê* năm 1941, trang 18-81, nhưng Ông bạn Nguyễn Tấn Hưng, Sử Học và Sinh Ngữ Học gia tốt nghiệp EPHE La Sorbonne, Paris, đọc bản thảo, đã giúp tôi đính chính lại cho đúng.

¹⁸ Trong tập Đồ Thành hiệu cổ 1941, *Bulletin des Amis du Vieux Huê*, tr.351-358, Cố Thảo cũng có viết một bài nhan đề là: *La Princesse Marie d'Ordunez de Cevallos*, kể chuyện Công chúa Maria trở lại đạo về cuối thế kỷ 16, tại kinh đô tạm thời của nhà Lê, trong tỉnh Thanh Hóa, và việc ấy là do một vị linh mục Y Pha Nho, Ordunez de Cevallos, có đến xứ Bắc Kỳ trong thời kỳ đó, kể lại. Flora Maria có thể là tên dịch của Công Chúa Mai Hoa. Cách hai cây số về phía tây bắc An trường, có khu làng "Gia tô", xóm Giatô mà Ordunez đã nói đến. Dân vùng ấy tôn thờ một bà công chúa nhà Lê, có ba miếu thờ bà, mà họ gọi là bà Mai Hoa Công chúa, hay bà Công chúa Chè, hoặc Công chúa Chiêm Thành. Người ta chỉ cúng hoa, không cúng xôi thịt. Bà được gọi là công chúa Chiêm Thành, bởi vì mẫu thân là bà Cung phi người Chiêm Thành, và Công chúa Chè bởi vì bà đã gia công khai thác việc trồng chè. Hình như, vua Lê Thần Tông có lấy một bà vợ Hoa Lang (ý nói người Bồ Đào Nha hay ngoại quốc), tượng bà được thấy trong một ngôi đền thờ vua Lê Thần Tông ở gần tỉnh thành Thanh Hóa.



Cố Thảo (Dòng) và Bà Vợ Cù Nguyễn Hiền

Cố « Chính » Thảo, rất thân với thân phụ và gia đình chúng tôi. Thân mẫu tôi Cù Chử, tức thứ nữ thứ hai của Bà Cù Huyện, Trưởng Nữ Đỗ Thị Hiền (đời 18), đã được Cố Thảo rửa tội « trở lại đạo » và Ngài đã làm phép Hôn phối Bà Cù Chử với thân phụ tôi tại Nhà Nguyễn Dòng Kín Thanh Hóa ngày 19/01/1930. Sau đó bà cho các con gái khác theo đạo (Phúc, Đức – nữ tu dòng Saint Paul, Hằng và Nga, trừ trưởng nữ Chát, lúc đó đã kết hôn với Ông Lê Đỗ Kỳ, và trưởng nam TchyA Tuấn) và chính Cù Bà Đỗ Thị Hiền cùng em gái tức Bà Ấm Thi cũng do Cố Thảo rửa tội vào khoảng năm 1935. Như vậy 2 con gái (bà Cù Huyện và Bà Ấm Thi) của Bà Vợ Đầu Cù Đỗ Các đời 17 (Cụ có 5 phu nhân) sau cũng theo Tổ Tiên trở lại đạo Hoa Lang, trừ trưởng nam Đỗ Văn.

Lịch sử Ki Tô Giáo kí túc : vị thừa sai đầu tiên tiếp xúc với người Việt Nam, là linh mục Giovanni Battista de Pesaro; năm 1581 vị thừa sai ấy có viết một bức thư gửi cho vua xứ Bắc kỳ, nhưng không thể thân đi đến được. Năm 1583, linh mục Diego d'Oropesa, năm 1583, linh mục Bartholome de Ruiz năm 1584, đến đất Bắc kỳ, nhưng đều không thể làm được việc gì. Đến năm 1588, có hai vị linh mục Bồ Đào Nha là cha Affonso da Costa và Gonsalves de Sa đến Bắc kỳ có ở lại ít lâu tại An Trường trong tỉnh Thanh Hóa. Kinh đô tạm thời của nhà Lê ở thế kỷ XVI, chiếm một khu đất gồm nhiều làng: An trường Lam sơn, Quảng tự, Vạn lai, Phúc lập. Tất cả những làng ấy đều ở tả ngạn sông Chu trong tỉnh Thanh Hóa, phía dưới đập Bái thượng vài cây số. Thế nhưng sử hay sách các vị truyền giáo để lại đều không ghi có người trở lại theo đạo Hoa lang trong thời gian này. Cố Thảo kể người Việt nam đầu tiên theo Ki Tô Giáo, đã được rửa tội tại một xứ thuộc địa Bồ Đào Nha, có thể là ở Célèbes, Iles de la Sonde quần đảo Nam Dương hoặc tại Macao. Sử có chép, triều Lê Anh Tôn (1556-1573), Vua có gửi sứ bộ qua Ma cao và các xứ thuộc địa Bồ, để liên lạc với các nhà truyền giáo. Vậy có thể Cù Đỗ Hưng Viễn đã theo phái đoàn đó, được rửa tội năm 1572 ở Macao hay một xứ thuộc địa Bồ khác. Không thấy Cố Thảo đưa ra một giả thuyết về địa dư hay ngày tháng. Cù Viễn giữ Đạo cho đến cuối đời như đã thấy ghi trong gia phả, và không thấy nói đến gia đình Cù con cái có theo đạo hay không, hoặc giả nếu có, thì lúc sơ khai chưa có giáo họ, giáo xứ, con cháu không được chăm sóc, nên bỏ đạo để giữ đạo thờ Ông Bà.

Niên Giám 2005 của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam ghi thêm một chi tiết quan trọng: “Đồ tặc gia phả” tìm thấy ở họ Bồng Trung, xứ Kẻ Bền, ghi ông Đỗ Viên Mãn (là con trưởng của cụ Đỗ Cảnh) đã theo đạo Hoa Lang khi có dịp tiếp xúc với người ngoại quốc cập bến Cửa Bạng (Ba Làng). Tôi không được biết có thêm những diễn biến gì khác đã xảy ra ở Đông Biện từ năm 1588 cho đến ngày 19/3/1627, khi Linh mục Đắc Lộ và giáo sĩ Marques đặt

chân lần đầu tiên lên đất Việt Nam, ở Cửa Bạng¹⁹ (xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa), khởi sự cho việc truyền giáo của Dòng Tên (*Jésuites*) ở Đàng Ngoài. Và ngay tháng 4/1627, đã có 2 nhà thờ đầu tiên ở An Vực và Vân No. Phả ghi Cụ Đổ Viên Mãn theo đạo Hoa Lang năm 1627, vậy thì rất có thể Cụ là người Việt Nam sở tại đầu tiên đã tiếp xúc với Linh mục A Lịch Sơn Đắc Lộ khi Ông cập bến Ba Làng, và đã được Linh mục này rửa tội. Lúc đó Họ Đổ đã là một Cụ Tộc giàu có, nên việc lập nhà thờ nhanh chóng như thế cũng là chuyện dễ dàng²⁰. Nếu giả thuyết tôi đúng, thì họ Đổ không những là họ số một ở Việt Nam có 60 khoa bảng Tiến Sĩ, mà lại còn có người đầu tiên theo đạo Hoa Lang và người đầu tiên tiếp xúc và chịu phép rửa tội bởi nhà truyền giáo Đắc Lộ, cha đẻ nền Quốc Ngữ.

Phả chép tiếp, đến thế kỷ 17-18 đất nước ổn định dân. Thời này, dân làng đã đông hơn có thêm dòng họ Nguyễn nữa, từ phía Bắc di cư vào. Sau đó là Họ Trương, Họ Đoàn Họ Phạm. Như thế trong làng có *mười ba họ*²¹ sinh sống trong 11 xóm. Làng Bồng lúc này còn Một nhân vật đặc biệt nữa là Ông Đổ Mai Năm²² hay Năm Ngũ. Ông người Họ Mai, sinh 1788 nhà nghèo cha mẹ mất sớm, Ông về làm con nuôi Họ Đổ, Ông sống thánh thiện, học giỏi, được vào học Đại chủng viện Pinan²³, và trở thành linh mục thừa sai, Ông đi giảng đạo nhiều nơi. Vua Minh Mạng cấm đạo, Ông bị bắt ở Nam Định. Năm Minh Mạng 18 ngày 12/8/1838, Ông bị xử trảm, hài cốt Ông hiện được Quàn tại Xứ đạo Kê Bền. Ông được Phong Thánh tử vì Đạo (19/6/1988).

Ngày 13 tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi thất thủ ở Huế, Người hạ chiếu Cần Vương. Hưởng ứng chiếu Cần Vương chống Pháp của nhà vua, khắp mọi nơi trong cả nước phong trào Cần Vương chống Pháp nổi lên rầm rộ. Đặc biệt tại Bồng Trung tức Đông

¹⁹ Cửa Bạng là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử truyền giáo, nhưng tới ngày nay tại cửa Bạng, tức làng Do Xuyên hầu như không còn vết tích gì liên hệ tới giáo hội Ki Tô. Ta thường nói tới Ba Làng, là giáo xứ lớn vào hàng nhất của giáo phận Thanh Hóa, nằm cách cửa Bạng mấy cây số về phía bắc. Sở dĩ gọi Ba Làng vì giáo xứ này được thành lập chiếm diện tích của ba thôn : Như Xuân, Ngoại Hải và Sung Mãn.

²⁰ Từ năm 1659, thành lập giáo phận Đàng Ngoài, đến giáo phận Tây Đàng Ngoài (1679), giáo phận Tây (1846), giáo phận Đoài (1895), giáo phận Thanh (1901), sau là giáo phận Phát Diệm (1924), vùng đất Thanh Hóa đã có nhiều cơ sở và giáo xứ đông người do các cha dòng Tên và Hội Thừa Sai Paris phục vụ.

²¹ Tôi đếm chỉ thấy có các họ : Đổ, Tống, Phạm, Hoàng, Mai, Nguyễn, Trương, Đoàn.

²² Thân phụ và Thân mẫu thì hay nhắc đến Thánh Tử Vì Đạo Giacôbê Đổ Mai Năm, sinh năm 1781 tại Đông Biện, Thanh Hóa, Linh mục thuộc Hội Thừa Sai Balé, đã trốn tránh khỏi bị bắt một thời gian lâu dài trong nhà Thánh Antôn Đích. Ngài bị khám phá ra và cả hai bị bắt cùng với bố vợ của thánh Antôn là Micae Mỹ. Bị xử trảm ngày 12/08/1838 tại Bấy Mẩu dưới đời vua Minh Mạng, được phong Chân Phước ngày 27/05/1900 do Đức Lêô XIII, lễ kính vào ngày 12/08.

²³ Ở đây có lẽ Phả diễn Nôm không đúng về tên Đại Chủng Viện Pinan, phải viết là *Penang*. Ở Mã Lai có *Grand séminaire de Penang* còn gọi là *Collège Général*, nơi từ thế kỷ 16, đã đào tạo Thần Học cho rất nhiều các Linh mục ở Á châu. Thánh Đổ Mai Năm đã được gửi qua Mã Lai học Đại Chủng Viện Penang, và có lẽ thụ phong Linh Mục tại đó khoảng năm 1820. Khi bị xử trảm Ngài thọ 50 tuổi.

Biện, cụ nghè Tống Duy Tân cùng các con và ông tri phủ Lý Nhân Nguyễn Sự Chí là cháu ruột cụ Nguyễn Tu cùng đồng tâm nổi dậy chống hóp. Thời gian này ông Tôn Thất Thuyết và tá quân Trần Xuân Soạn đã về Bồng Trung (Đông Biện), Thanh Hóa để trực tiếp chỉ đạo phong trào. Lúc này cụ nghè Tống Duy Tân trở thành lãnh tụ của nghĩa quân Thanh Hóa.

Vào ngày mùng 4 tháng 5 năm Bính Tuất (1886), đình làng Bồng Trung được sử dụng làm trụ sở của nghĩa quân để tổ chức cuộc họp lịch sử quan trọng do ông Tôn Thất Thuyết đứng ra triệu tập. Ngày hôm đó, tại đây có mặt đầy đủ các thủ lĩnh chống pháp thời bấy giờ như Trần Xuân soạn, Hà Văn Mao, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân, Lê Ngọc Toàn, Cầm Bá Thước, Nguyễn Khê...

Trong buổi tế cờ long trọng, tiến sỹ Tống Duy Tân cùng con trai là cử nhân Tống Nhữ Mai, với các ông Cao Điền (tướng cũ của Trần Xuân Soạn), Nguyễn Sự Chí, Trần Văn Khôi, Lãnh Đợi, Lãnh Tráng... ông Tôn Thất Thuyết công bố sắc phong tiến sỹ Tống Duy Tân làm tổng thống quân vụ, phụ trách toàn bộ phong trào Cần Vương chống Pháp ở Bắc Kỳ. Phía Bắc phong trào liên hệ với Đốc Ngữ ở Hòa Bình, Sơn Tây. Phía Nam liên hệ với phong trào Phan Đình Phùng. Tại Thanh Hóa có nhiệm vụ tập hợp các nghĩa quân như Cầm Bá Thước, Tôn Thất Hàn, Nguyễn Quý Yêm, Hà Văn Mao... Phong trào được gắn bó trên mảnh đất Đông Biện nên đã lấy tên của một ngọn núi của địa phương Đông Biện-Bồng Trung (núi Báo) là núi Hùng Lĩnh để đặt tên cho cuộc khởi nghĩa là "Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh". Ngày nay dân Làng Bồng Trung thờ Tống duy Tân như vị thánh ở Đình Bồng Trung ngày đêm hương khói.

Một tác giả khác Đỗ Thịnh, cùng Giáo sư Nguyễn Ngọc San (Cháu ngoại trong dòng họ Đỗ²⁴), có dịch một phần Đỗ Tộc phổ sử, viết bài nói về Họ Đỗ, gốc ở thôn Bồng Trung, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với 60 Tiến Sĩ, đăng trên Tạp Chí Hán Nôm số 1 (34) – 1998.

Các Tác giả ở đây cho biết khá nhiều chi tiết về bản gia phả. Bản này là *Tông phả họ Đỗ do Đỗ Thiện Chính* Hoàng giáp khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 2 (1659) đời Lê Thần Tông làm quan đến chức Hữu thị lang bộ Công, khi về trí sĩ biên soạn *từ khởi tổ đến đời thứ 11*, sau đó con cháu biên soạn tiếp đến đời thứ 13. Vào khoảng giữa thế kỷ 18 thì gốc tổ họ Đỗ chỉ biết từ đời Đỗ Cảnh Thạc²⁵ là một trong 12 *Sứ quân thế kỷ thứ 10*. Đời Lý, đời

²⁴ Hậu duệ Cụ An Đỗ Các cũng có Ông tên Nguyễn Ngọc San, thứ nam của Ông Nguyễn Dy và Bà Đỗ Thị Ngân. Bà Ngân là con Bà Phạm Thị Lương, vợ thứ Ba của Cụ An Đỗ Các.

²⁵ Đỗ Cảnh Thạc, hán tự viết 杜景碩, bính âm là *dù jǐng shuò*; (? - 967) là tướng nhà Ngô và là một trong 12 *sứ quân trong lịch sử Việt Nam*. Theo thần phả Địch Nhĩ Đại vương ở Thanh Oai được các nhà nghiên cứu sử dụng bổ sung cho sử liệu, cha Đỗ Cảnh Thạc là Đỗ Thục, người gốc Quảng Lăng (Trung Quốc). Thời Ngũ

Trần đều có người làm quan to trong triều như *Đỗ Tử Bình* chức Trung thư môn hạ, *Đỗ Tử Kiến*, *Đỗ Thiên Độc* là Thị giảng, *Đỗ Lễ* làm Đại tướng, *Đỗ Nguyên Thạc* làm Dực thánh thủy quân, *Đỗ Tĩnh* làm Thượng thư bộ Hộ v.v... Khi nhà Minh xâm lược nước ta, dòng họ *Đỗ* chạy sang đất Lào, về sau có ông *Đỗ Phú về Thanh Hóa*, tương truyền là nhờ đem mã bộ táng ở đất *Lam Kinh* nên từ đó về sau phát triển. Con ông *Đỗ Phú* là *Đỗ Viên*

đại Thập quốc tương đương thời kỳ tự chủ Việt Nam, *Đỗ Thục* sang Tĩnh Hải quân và sinh ra *Đỗ Cảnh Thạc*.

Sách Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục của nhà Nguyễn chú rằng *Đỗ Cảnh Thạc* "người huyện Thuận Đức thuộc Quảng Đông". Như vậy các nguồn tài liệu đều ghi *Đỗ Cảnh Thạc* có nguồn gốc Trung Quốc. Họ *Đỗ* 杜 cùng tộc với thi hào *Đỗ Phủ* 杜甫 quê Tứ Xuyên.

Năm 937, *Kiều Công Tiễn* giết *Dương Đình Nghệ* để cướp ngôi *Tiết độ* sứ. *Đỗ Cảnh Thạc* vào Ái châu đi theo *Ngô Quyền*. Năm 938, ông giúp *Ngô Quyền* giết *Kiều Công Tiễn* và sau đó phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

Ngô Quyền xưng vương (939), phong *Đỗ Cảnh Thạc* làm chỉ huy sứ. Năm 944, *Tiền Ngô Vương* mất, *Dương Tam Kha* giành ngôi của thái tử *Ngô Xương Ngập*, tự xưng là *Dương Bình* vương. *Xương Ngập* bỏ trốn, chạy đến Nam Sách Giang, ẩn náu tại nhà *Phạm Lệnh Công* ở Trà Hương. *Tam Kha* nhận em *Xương Ngập* là *Ngô Xương Văn* làm con nuôi.

Dương Tam Kha sai *Đỗ Cảnh Thạc* và *Dương Cát Lợi* đem quân đi lùng *Xương Ngập*, ba lần đến Trà Hương đều không bắt được *Xương Ngập* vì *Phạm Lệnh Công* đem *Xương Ngập* giấu vào trong động núi. *Tam Kha* biết tin, lại sai lùng tìm nhưng cuối cùng vẫn không tìm thấy.

Năm 950, *Dương Bình* vương lại sai ông và *Dương Cát Lợi* đi cùng *Ngô Xương Văn* đem quân đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Khi đi đến huyện Từ Liêm, *Xương Văn* bảo hai tướng rằng:

Đức trạch của Tiên vương ta thấm khắp lòng dân, tất cả các chính lệnh thi hành không ai là không vui lòng theo cả. Chẳng may Tiên vương ta mất đi. Bây giờ Bình vương là kẻ bất nghĩa, tự cướp lấy ngôi, còn tội gì hơn nữa! Nay lại sai chúng ta đi đánh các ấp vô tội kia, may mà được đã vậy, nếu họ không phục thì làm thế nào?

Đỗ Cảnh Thạc và *Dương Cát Lợi* xin nghe theo mệnh lệnh của *Xương Văn*. *Xương Văn* bàn mưu đem quân quay về đánh úp *Bình Vương* để phục lại cơ nghiệp nhà *Ngô*. Hai quan sứ đều đồng tình, giúp *Xương Văn* quay về đánh đổ *Dương Tam Kha*.

Dưới thời *Hậu Ngô Vương*, *Đỗ Cảnh Thạc* tiếp tục được trọng dụng.

Năm 965, *Ngô Xương Văn* đi dẹp loạn bị tử trận. Theo sử sách, trong lúc triều đình *Cổ Loa* hỗn loạn, *Đỗ Cảnh Thạc* cùng các tướng *Dương Huy*, *Kiều Tri Hựu* và *Lã Xử Bình* tranh giành quyền bính. Sau đó ông kéo quân ra ngoài, chiếm giữ vùng *Đỗ Động Giang*, đắp thành *Quên cát cứ*, trở thành một sứ quân, tự xưng *Đỗ Cảnh Công*.

Sứ quân *Đỗ Cảnh Thạc* là một sứ quân mạnh, có cung thành chắc chắn và hào sâu bao quanh. Theo thần phả *Độc nhĩ đại vương* ở Thanh Oai, *Đỗ Cảnh Thạc* là người trí dũng mưu lược, *Đinh Bộ Lĩnh* phải bàn mưu tính kế mà đánh. Ban đêm, *Đinh Bộ Lĩnh* cho quân bao vây 4 mặt thành và tiến đánh bất ngờ vào *Trại Quyền*. Bây giờ *Đỗ Cảnh Thạc* đang ở đồn *Bảo Đà*, quân tướng không ứng cứu được nhau, bị mất cả thành lũy, đồn trại, lương thực bèn bỏ thành chạy. Hai bên giao tranh hơn một năm sau, *Đinh Bộ Lĩnh* hạ được thành. *Đỗ Cảnh Thạc* bị trúng tên chết. Đó là năm 967. Năm sau, *Đinh Bộ Lĩnh* dẹp hết các sứ quân lên làm hoàng đế, tức là vua *Đinh Tiên Hoàng*. Tài liệu Wikipedia.

Thịnh²⁶ mang gia quyến về sống ổn định ở làng Biện Thượng, được coi là *tổ đời thứ nhất họ Đỗ ở Biện Thượng* (còn gọi là *Bông Thượng*).

Dòng họ Đỗ có truyền thống hiếu học, có nhiều người đỗ đạt cao. Theo Tông phả kể cả những người ở quê và những người đã di cư đi ở quê vợ, quê mẹ tính ra từ đời thứ 5 đến đời thứ 12 trong thời đại nhà Lê - Mạc từ 1463 đến 1733 tức là trong vòng 270 năm dòng họ này đã có 60 người đỗ đại khoa. Trong đó có 8 người đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ (2 Trạng nguyên, 2 Nhất giáp, 3 Bảng nhãn và 1 Thám hoa) 13 người đỗ Hoàng giáp và 39 người đỗ Tam giáp Tiến sĩ xuất thân.

Lê Thái Tổ sau 10 năm lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1428) giành thắng lợi và lên ngôi hoàng đế đóng đô ở Đông Kinh, lấy niên hiệu là Thuận Thiên thứ nhất, đồng thời cho xây dựng ở quê hương đất tổ Lam Sơn một kinh thành lớn thứ hai gọi là Lam kinh²⁷ hay còn gọi là Tây Kinh.

Khai khoa của dòng họ là Đỗ Hân, *con ông tổ thứ tư Đỗ Viên Đạo* và bà vợ lẽ là Vũ Thị Tăng quê ở xã Cao Ly, huyện Thanh Miện, Hải Dương. Đỗ Hân ở quê mẹ đi thi đỗ Hoàng giáp khoa Quý Mùi năm Quang Thuận thứ 4 (1463) làm quan Tả thị lang. Em cùng cha khác mẹ với Đỗ Hân là Đỗ Nhuận ở quê mẹ xã Kim Hoa, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) đi thi Hội đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ khoa Bính Tuất niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466). Đỗ Nhuận là người thông minh hiếu học, đỗ Tiến sĩ năm 21 tuổi, làm quan đến chức Thượng thư, Đông các đại học sĩ. Ông là người nổi tiếng giỏi văn thơ, đã được vua Lê Thánh Tông phong làm Tào đàn Phó nguyên soái, vào cung dạy Hoàng tử. Ông sáng tác nhiều bài thơ họa thơ của vua, được in trong các tập Anh hoa hiếu trị, Quỳnh uyển cửu ca và tham gia biên soạn Thiên Nam dư hạ tập theo lệnh của vua Lê Thánh Tông.

Sau đó còn có 10 người nữa cùng đỗ trong đời Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức - thời kỳ thịnh trị nhất trong chế độ phong kiến Việt Nam, như Đỗ Thuần Nhân, tam giáp Tiến sĩ năm 1472, Đỗ Vinh, tam giáp Tiến sĩ năm 1475, Đỗ Toàn nhị giáp Tiến sĩ năm 1475, Đỗ Bá Linh tam giáp Tiến sĩ năm 1481, Đỗ Duy Kiểm nhị giáp tiến sĩ năm

²⁶ Phả này rõ ràng, Cụ Đỗ Phú từ Ai Lao về Thanh Hóa, nhưng con Cụ, Đỗ Viên Thịnh về định cư ở Biện Thượng và được xem Ông Tổ đời Một Họ Đỗ Bông Trung. Có một thuyết khác về Cụ Đỗ Phú, xin xem phần cuối bài.

²⁷ Thành điện Lam kinh phía Bắc dựa vào núi Dâu (gọi là du sơn) mặt Nam nhìn ra sông Chu - có núi Chúa làm tiền án, bên tả là rừng Phú Lâm, bên hữu là núi Hương và núi Hàm Rồng chắn phía Tây. Khu Hoàng thành, cung điện và Thái miếu ở Lam Kinh được bố trí xây dựng theo trục Nam - Bắc trên một khoảng đồi gò có hình dáng chữ vương. Bốn mặt xây thành có chiều dài 314m, bề ngang 254m, tường thành phía Bắc hình cánh cung có bán kính 164m, thành dày 1m. Qua khảo cổ và dấu tích còn lại cho thấy xưa kia ở đây đã từng tồn tại Ngọ môn, sân rồng, chính điện, khu Thái miếu... nguy nga tráng lệ.

1490, Đỗ Công Cẩn tam giáp Tiến sĩ năm 1490, Đỗ Nhân Cương nhị giáp Tiến sĩ năm 1493, Đỗ Toại tam giáp Tiến sĩ năm 1496, Đỗ Hoàng tam giáp Tiến sĩ năm 1496, Đỗ Túc Khang tam giáp Tiến sĩ năm 1496. Trong số 10 người đỗ đời Hồng Đức, đáng chú ý có Đỗ Nhân Cương tức Đỗ Nhạc là con trai ông tổ đời thứ 6 là Đỗ Viên Tế và vợ là Nguyễn Thị Đài quê xã Lại ốc, huyện Văn Giang (Hưng Yên). Ông Nhạc ở quê mẹ đi thi, 20 tuổi đỗ Hoàng giáp, làm quan tới chức Hộ bộ Thượng thư, Đô ngự sử, Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh diên. Con trai ông Đỗ Nhạc là Đỗ Tổng đỗ Trạng nguyên khoa Kỷ Sửu nhà Mạc, niên hiệu Minh Đức thứ 2 (1529), làm quan tới Hình bộ Tả thị lang, Đông các đại học sĩ. Em ruột Đỗ Tổng là Đỗ Tấn đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1535, em Đỗ Tấn là Đỗ Trục cũng đỗ nhị giáp Tiến sĩ năm 1580.

Đời vua Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Thống có 6 người đỗ đại khoa, đáng chú ý nhất có Đỗ Lý Khiêm là con trai thứ tư chi thứ là Đỗ Viên Đức lấy vợ họ Vũ quê ở xã Ngoại Lãng huyện Thư Trì (Thái Bình). Đỗ Lý Khiêm ở quê mẹ đi thi đỗ Trạng nguyên khoa Kỷ Mùi Cảnh Thống thứ 2 (1499), làm quan tới chức Đô ngự sử, làm Chánh sứ sang sứ nhà Minh. Em Đỗ Lý Khiêm là Đỗ Huỳnh đỗ Hội nguyên năm Đoan Khánh thứ 4 (1508). Cùng đỗ niên hiệu Đoan Khánh còn có 3 người nữa là Đỗ Bá Huân tam giáp Tiến sĩ năm 1505, Đỗ Hoàng (Miện) tam giáp Tiến sĩ năm 1505, Đỗ Văn Trung tam giáp Tiến sĩ năm 1505. Có hai người đỗ trong đời vua Tương Dực niên hiệu Hồng Thuận thứ 6 (1514) là Đỗ Cảnh nhị giáp Tiến sĩ là con ông tổ đời thứ 7 theo cha đi du học lấy vợ quê ở Quỳnh Phụ Thái Bình rồi ở đây, và Đỗ Văn Hăng con ông tổ đời thứ 5 là Viên Phúc làm quan võ ở trong cung vua lấy vợ người xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, ông Hăng ở quê mẹ.

Đời vua Quang Thiệu có hai người đỗ là Đỗ Văn Quýnh là con trai thứ ba tổ đời thứ 5 chi trưởng là Đỗ Viên Ngạn. *Tông phả viết*: “Văn Quýnh bản tính kiêu ngạo, du học ở Kinh đô thường gặp khách hồng nhan, lấy người họ Đỗ quê ở xã Yên Ninh, huyện Yên Dũng trấn Kinh Bắc, ở quê vợ đi thi đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1520, và Đỗ Dương “có tài văn chương nổi tiếng ở đời, nhân học ở Kinh thành lấy Vũ Thị Chi quê ở xã Quảng Bị xứ Hải Dương, ở quê vợ đi thi đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1518”... Em Đỗ Dương là Đỗ Tam Cương đỗ tam giáp Tiến sĩ đời Thống Nguyên năm 1523.

Trong thời nhà Mạc có 11 người đỗ, trừ 3 anh em Đỗ Tổng đã ghi ở trên, còn 8 người có Đỗ Ưông là con trai cả Đỗ Viên Trinh đời thứ 7 chi trưởng ở quê mẹ xã Đoan Lâm (Hải Dương) đi thi đỗ Bảng nhãn niên hiệu Quang Bảo thứ 2 (1556) làm quan tới chức Lại bộ Thượng thư, chú con bà vợ lẽ của ông là Đỗ Hiếu ở quê mẹ đỗ tam giáp Tiến sĩ năm Sùng Khang thứ 9 (1574) trú tại trại Ngọc Hà (Hà Nội). Em Đỗ Ưông con ông chú là Đỗ Phi Tán ở quê vợ xã Cổ Đô (Thanh Hóa) đỗ tam giáp năm Quang Hòa thứ 4 (1544), làm quan tới chức Thượng thư, Thiếu bảo. Trong họ còn có *Đỗ An* là con ông tổ đời thứ 5 chi thứ là Đỗ Văn Lan chức Thượng tướng Thiêm sự, nhân khi Đỗ An đến làng Lại ốc viếng

đền Trọng nguyên Đỗ Tông bị Mạc Đăng Dung giết, đã lấy vợ ở đây rồi đi thi đỗ nhị giáp Tiến sĩ năm Sùng Khang thứ 3 (1568).

Còn 22 người đều đỗ đại khoa thời Lê Trịnh, đáng chú ý có một số người đỗ cao như Đỗ Tất Đại, đỗ đệ nhất giáp chế khoa năm Thuận Bình thứ 6 (1556) làm quan Đông các đại học sĩ. Đại là con của Đỗ Phi Tán (làm quan với nhà Mạc). Em Đại là Đỗ Tế Mỹ cũng đỗ đệ nhất giáp Chế khoa năm Chính Trị thứ 8 (1565) làm quan tới chức Thượng thư. Con Đỗ Tế Mỹ là Đỗ Công Liêm đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1670, làm Giám sát ngự sử. Không chỉ đỗ cao mà gia đình Đỗ Phi Tán đã có 4 người đỗ. Một gia đình 3 cha con đều đỗ Tiến sĩ là Đỗ Văn Tổng con bà vợ lẽ của Tả đô đốc Khương hầu Đỗ Viên Khang. Ông Tổng ở quê mẹ xã Thượng Yên Quyết huyện Từ Liêm đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1640, làm Hình bộ Tả thị lang. Con trai cả là Đỗ Văn Luân 26 tuổi đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1659, làm quan Hàn lâm viện Hiệu thảo, con trai thứ là Đỗ Công Toàn đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1683, làm Giám sát ngự sử đạo Sơn Nam. Một nhà hai cha con đều đỗ Tiến sĩ như Đỗ Công Bật, con ông tổ đời thứ 8 chi trưởng là Thượng tướng đô đốc Đỗ Viên Thành Đỗ Công Bật học ở Kinh đô, lấy vợ ở huyện Gia Lâm, ở quê vợ đi thi đỗ tam giáp Tiến sĩ năm 1685, con trai là Đỗ Công Đĩnh đỗ Hội nguyên năm 1760.

Một số người đỗ cao như Đỗ Huy Kỳ đỗ Đình nguyên Thám hoa năm 1731, đi sứ nhà Thanh. *Đỗ Công Trấn là con thứ ba ông tổ đời thứ 10*, thuở nhỏ đi chơi bị người họ Vũ bắt cóc về xã Quách Thư, huyện Thanh Oai, đổi họ Vũ đi thi đỗ Bảng nhãn khoa Đông các năm 1728, làm quan tới chức Thượng thư bộ Binh, Bồi tụng.

Hai tác giả không thể kể hết tên 60 người trong bài viết²⁸, nhưng có thể nói đây là một trong những dòng họ có nhiều người đỗ đại khoa nhất ở nước ta. Bản *Tông phả là kỳ công sưu tầm của Hoàng giáp Đỗ Thiện Chính*, có thời gian dài làm quan ở Thăng Long và đã từng đi nhiều nơi tìm hiểu về dòng họ của mình. Đây là một quyển Tộc phả có giá trị lưu truyền lại cho Con Cháu. Tôi có ước vọng sẽ có ngày được *xem tận mắt* quyển Phả này.

Trở về Gia Phả, Cụ Hoàng Giáp có ghi chú rằng: *Nguồn gốc họ Đỗ là người nhà Hán bên Tàu*. Ông Đỗ Diêu Liên làm quan Giám nghị đại phu. Thời hậu Hán ông Đỗ Kiểu làm quan Thái úy tướng quân. Nổi đến sau này là các ông Đỗ Dự, Đỗ Mục, Đỗ Nghệ, Đỗ Viện làm quan thời nhà Ngụy, nhà Ngô, nhà Đông Tấn, Tây Tấn. Bốn cụ này đều được tham dự việc nước. Ông Đỗ như Hối làm quan *Tể tướng nhà Tiên Đường*. Ông Đỗ Hoàng Thường làm quan Bình Chương thời hậu Đường. Bà *Đỗ Thái hậu làm hoàng hậu* là vợ cả của Tống Nhân Tôn. Ông Đỗ Diên làm quan khu mật sứ.

²⁸ Xin xem phần Phụ Lục Danh Sách Khoa Bảng

Thời nhà Tống ông đã từng được Triều đình ủy nhiệm đi tịch thu gia sản nhà Hồng Bàng. Đó là những ông, bà được tham dự việc nước ở bên Trung Quốc thời bấy giờ.

Ở Trung Quốc còn một phái họ Đỗ nhưng sống ở thời nhà Đường. Có một ông là Đỗ Công tức *Đỗ Cảnh Thạc* làm bộ tướng thời nhà Đường đã cùng ông Cao Biền sang làm chức Lĩnh Nam đô hộ phủ ở nước Việt Nam ta, đều đeo ấn thụ của Lạc Long Quân, ở Việt Nam được mười ba năm.

Trong thời gian ấy có ông thầy tướng đoán số cho hai ông là Đỗ Phú và Đỗ Cảnh Thạc một que: *Họ Đỗ nhà các ngài ở bên Trung Quốc chỉ làm bề tôi, nên đi sang các nước lân bang để xây dựng cơ nghiệp lớn. Từ đây các cụ họ Đỗ nhà ta không có tư tưởng gì trở về Trung Quốc nữa. Sau đó các cụ cho một số gia thân về Trung Quốc đem hết gia quyến sang nước Ai Lao lập gia đình ở cạnh sông Như Nguyệt mà ở tức là ông Đỗ Phú. Từ đây về sau cụ Đỗ Phú tu dưỡng đạo đức sinh sản ở nước Ai Lao được hơn một nghìn người. Nhờ sống làm ăn lương thiện có nhiều uy tín được mọi người cử lên làm vua trông nom việc nước.*

Lại nói đến cụ Đỗ Cảnh Thạc, rời Trung Quốc sang Việt Nam cụ *Đỗ Cảnh Thạc* làm quan 12 sứ quân, sau thân phục Đinh Tiên Hoàng, ở nhà Đinh làm tôi cận thân²⁹. Qua nhà Tiền Lê, hậu Lê đến nhà Lý làm đại thần. Đến nhà Trần được phong làm Phụ quốc.

Trong thời nhà Trần có ông Đỗ Tử Bình làm chức Trung thư môn hạ. Ông Đỗ Tử Kiến, ông Đỗ Thiên Thích làm quan thị giảng. Ông Đỗ Lễ làm quan đại tướng quân. Ông Đỗ Chất làm quan tả dực thánh thiên sách thượng tướng quân. Ông *Đỗ Hưu* làm quan dực thánh thủy quân, đem 15 vạn quân sang đánh nước Chiêm Thành (Tức Thái Lan ngày nay). Ông Đỗ Tĩnh làm quan hộ bộ thượng thư hai trấn Thanh Hóa và Nghệ An. Thời bấy giờ con trai họ Đỗ đều được nhập vào hàng binh, con gái cũng được hiển đạt.

Lại nói đến cụ Đỗ Phú, thời bấy giờ có đem hài cốt thân phụ ra táng ở cái mạch, khu Phật Hoàng, núi Nam Kinh. Huyệt ấy hợp về Thổ tinh. Thửa ruộng đáng nửa sào, có gò ở giữa. Cụ đem hài cốt thân phụ để vào cái gò ấy, tọa Càn hướng Tốn, sau đó đã phát giàu có vô cùng. *Không ngờ ông Lê Lợi nhờ thời vận hiển đạt lại có người đến xúi giục, ông bèn đem hài cốt của bố, khoét gò sâu 7 thước mà để hài cốt của nhà y xuống.* Huyệt này tọa Khôn, hướng Cấn, hướng đẹp hơn của nhà mình, sau này phát con trai hiển vinh, con gái thất tiết. Sau thời ấy được ba năm, ngày Thanh Minh hai gia đình cùng đi tảo mộ, gặp nhau rồi cùng tranh luận sinh ra kiện cáo đem nhau đến

²⁹ Phần này Gia Phả viết ngược lại với tài liệu Wikipedia : Sứ quân Đỗ cảnh Thạc bị Đinh Bộ Lĩnh hạ thành, rồi bị trúng tên mà tử vong.

nơi phải trái để quan kiểm tra xem xét thực hư. Họ Đỗ thua, họ Lê được. (lý do họ Lê táng sâu 7 thước, họ Đỗ táng sâu 3 thước). Hài cốt của thân phụ ông Đỗ Phú phải đem về cạnh sông Như Nguyệt an táng.

Về sau này ông Lê Lợi khởi nghĩa đánh quân nhà Minh ông Đỗ Phú cũng đem quân đánh ông Lê Lợi, nhưng thấy Lê Lợi nhiều trận thắng to, nên cụ Đỗ Phú phải đem quân về, không dám kháng cự. Được vài năm thì cụ mất³⁰. Mả cụ hiện nay cũng táng ở cạnh sông Như Nguyệt, khúc đê úng vào ô m lấy mả cụ. Sau thời gian ấy, ông Lê Lợi bình phục được quân nhà Minh, làm vua nước Việt Nam cải hiệu là Thuận Thiên. Từ ấy ông Đỗ Phiếm tức là ông Đỗ Viên Thịnh đem vợ con gia quyến ra Thanh Hoá ở bến Biện Thượng được 3 năm lại di cư xuống khu Viên Lang gần đấy. Từ đấy trở đi nhân dân các nơi theo ông đến ở càng ngày càng đông. Sau cải tên là Bông Thượng Phường đà, Biện Thượng Đông giáp. Không được bao lâu lại rời xuống khu Mả Mốc (*nay là khu đất nhà thờ*) sau lại đổi là xã Đông Biện thuộc huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hoá.

Tôi ghi lại ở Phụ Lục, một tài liệu Diển Nôm tôi thu nhập được trên Vống Lạc, về Gia Phả Họ Đỗ, mà tôi tin có lẽ chỉ là một phần trích dịch, tuy không đầy đủ, từ Tông Phả của Cụ *Hoàng giáp Đỗ Thiện Chính*.

Galivan Springs ngày Tân Sửu tháng Đinh Mão năm Kỷ Sửu 25/02/2009.

³⁰ Theo ghi chép ở bản Phả này, thì có thể hiểu Cụ Đỗ Phú qua lập nghiệp bên Ai Lao trước, còn được cử lên làm vua trông nom việc nước. Sau đó Cụ mới trở về Việt Nam và có ý tranh dành với Lê Lợi, khi đem an táng thân phụ tại Khu Phật Hoàng, núi Nam Kinh. Sau đem quân đánh Lê Lợi, không biết là theo quân Minh để chinh phạt, hay dùng nghĩa quân của mình để tranh dành quyền thế.

PHỤ LỤC TRÍCH GIA PHẢ HỌ ĐỖ BÔNG TRUNG

BÀI TỰA

Trộm nghĩ, trên trái đất có vạn vật, ngay cả trong lòng đất cũng có trăm ngàn của quý, trên rừng, dưới biển có hàng ngàn muông thú. Mỗi thứ có một đặc tính riêng biệt. Đó là điều tất yếu của thiên nhiên. Những thứ đó không được tự nhiên sinh ra, không tự nhiên mất đi, chúng chỉ biến hóa từ dạng này sang dạng khác. Nhưng chúng vẫn giữ nguyên đặc tính riêng của chúng. Loài người chúng ta cũng vậy, phải có tổ tiên đó là hình tượng: “*Cây có gốc, nước có nguồn*”. Nguồn gốc có vững thì ngọn, cành mới khỏe mạnh. Ông cha chúng ta có trong sạch, cường thịnh thì con cháu sau này mới đông đúc và có nhiều công danh trong đất nước.

Đúng như người xưa có nói: “*Không khí trong sạch thì người người dễ chịu. Hình thái, màu sắc rõ ràng thì con vật đẹp. Đất tốt dễ mọc nhiều cành lá xanh tốt. Nguồn nhiều sông to và chảy xiết. Ông cha tích lũy thì con cháu phân thịnh*”. Đó là lẽ tốt đẹp của sự sống. Không những thế mà người cùng nguồn gốc, cùng tổ tiên đều thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, họ biết dựa vào nhau khi “*Tôi lừa, tất đèn*”, biết “*Nhường cơm, sẻ áo cho nhau*”, biết thương xót nhau “*Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ*”. Đúng như câu tục ngữ:

*“Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng”*

Và câu:

*“Chị ngã, em nâng
Môi hở, răng lạnh
Máu chảy, ruột mềm”³¹*

Đó là tâm hồn trong sạch, quý giá của những người dân lương thiện, của ông cha chúng ta thời xưa. Mỗi người chúng ta có thắm nhuần được điều đó ắt sẽ làm nên sự nghiệp. Đất nước sẽ xuất hiện nhiều nhân tài để sánh vai với năm châu, bốn bể. Ông tổ chúng ta xuất thân cùng mọi sự vật trong thiên nhiên. Như một bông hoa trong sáng, tươi đẹp mọc trong vườn hoa đất nước. Điều đó mọi người trong thiên hạ lại không để ý đến ư?

³¹ Tông Phả viết bằng Hán tự. Phần Diễn Nôm nay gồm những ca dao hoàn toàn Nôm. Tôi không hiểu nguyên bản Hán tự như thế nào.

THEO SỬ CŨ

Từ thời nguyên thủy mới sinh, trải qua một thời gian khá dài, trải ba đời vua mới ra đời. Trải bao đời phong kiến đã lâu, mãi sau này đến vua Tiên Hoàng nhà Đinh dẹp được 12 sứ quân. Trải qua chín phần trời, mười phần đất đến cụ tổ họ ta có nhiều tín nhiệm chiếm được hai phần. Oai phong, tiếng tăm cũng được 3 điểm. Những người quan văn giúp vua làm nên việc lớn, quan võ cũng góp phần giữ được đất nước an ninh. Con trai được vào bộ binh, con gái được làm vợ vua. Trước đây trải qua nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên trong cung có người làm đến chức Bình chương, ngoài cõi chiếm chức Thái úy.

Sang Việt Nam kể từ nhà Đinh, nhà Tiền Lê, nhà Lý, nhà Trần nhiều người văn võ đến tiến sỹ, võ được tặng chức Quốc công. Công danh của ông Tổ ta ngày xưa lắm liệt như thế đó. Với những việc làm của ông Tổ chúng ta như vậy chúng ta có quyền tự hào mà nói rằng:

“Sống làm những vì tinh tú trên trời, chết làm thân quyền dưới đất”

Ông cha của họ ta đã tôi luyện từ bao đời trước để lại tiếng thơm cho chúng ta ngày nay, chúng ta không nên mãi vui hưởng thụ, sung sướng mà quên quên công ơn của ông cha ta. Chúng ta phải tự hào với những công danh đó mà luôn luôn phát huy cao độ khả năng sẵn có của mình nhằm xây dựng cho công danh đó càng thêm tươi đẹp và vững mạnh về sau.

Vì thế cho nên bụng nghĩ theo trí nhớ, tay cầm bút biên chép từ đời xưa truyền lại cho con cháu ngày nay đều được biết cả. Nếu người có trí thông minh sáng suốt thì chỉ xem qua là hiểu hết. Người ở gần thì kính trọng Tiên Tổ, người đi phương xa phải luôn nhớ đến Tiên Tổ. Thế mới là người có tài, có đức. Kinh thư có câu nói rằng: “Ông cha đời trước có tu dưỡng được đạo đức thì con cháu sau này mới được hiển đạt”

Con cháu sau này biết chữ nên nghiên cứu và suy nghĩ kỹ những điều mà Tổ Tiên ghi trong Gia Phả này để cho con người trở nên trong sáng, có đức, nhiều tài.

Lại xem tập sử ký đời xưa, trời đất mở mang sinh ra loài người biết làm ăn bắt đầu từ thời nguyên thủy, bộ tộc, bộ lạc sau đến công xã. Con người chỉ biết làm ăn còn không biết quán xuyến mọi công việc. Sau một thời gian dài làm ăn như vậy công cụ lao động ngày càng phát triển, của cải vật chất thu được càng nhiều ăn không hết. Do có của thừa, vật dư nên đầu óc tư hữu chiếm của công làm của riêng đã ngày

càng xuất hiện. Bấy giờ mới sinh ra kẻ giàu, người nghèo. Từ đấy về sau người giàu có quyền hành bóc lột và cai trị người nghèo. Xã hội bắt đầu phân chia thành giai cấp.

Sau một thời gian khá lâu đến thời kỳ phong kiến rồi trải qua ba đời nhà Hoàng năm đời nhà Đế xuống đến nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên bên Trung Quốc. Sau đã qua bao đời đế vương là các nhà vua, đã thay phiên nhau cai trị dân. Sau này đến nước Việt Nam ta, từ lúc cháu bốn đời vua Thần Nông bên Tàu sang làm vua nước ta. Lúc đó ông đi du lịch gặp bà Tiên nữ lấy làm vợ tại nước Việt Nam. Bà sinh được một cái bọc nở được 100 người con giai. Thế là làm ông Tổ ở nước Việt Nam, xây dựng bờ cõi và phân chia làm nhiều nơi cầm quyền cai trị người dân trong nước. Trải qua bao đời rồi đến nhà Đinh, Lê, Lý, Trần cứ thay nhau mà cai trị. Đến cuối đời nhà Trần có một người quyền thần là Hồ Quý Ly cha con đều đỗ đến khoa giáp, làm quan đến chức thượng thư 6 cấp bộ, được phong chức Thái úy kiêm chức Bình chương coi giữ việc quan trong nước, trong tay cầm quyền chỉ huy tất cả binh sĩ trong nước. Những việc to lớn đều do ông ta quyết định. Rồi ông đem phụ trị về tỉnh Thanh hóa, xã Kim Âu thuộc huyện Vĩnh Ninh xưng là vua họ Hồ. Ông chỉ xưng là một viên quan quyền biến chứ không phải là cướp ngôi. Sau vua Tàu tha và cho ở lại tại một quận bên Tàu. Đến nay ở Trung quốc vẫn còn đền thờ Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thượng.

Lại nói sau khi *Mộc Thạnh* thắng họ Hồ quân tướng đều ở lại Việt Nam, làm thành tổ chức. Chúng bắt dân cày cấy, trồng trọt cả ruộng đất của nhân dân, bắt trai gái làm than tôi tó, bắt nhân dân đóng góp, hình phạt khổ sở dưới mọi hình thức. Dân không chịu được. Từ đấy dân đem gia quyến sang nước Ai Lao để ở. Trong nước thì quân Mộc Thạnh ở cả.

Trong mười chín năm trời nước Việt Nam bị đô hộ không còn một thước đất nào cả. May hồi bấy giờ nhờ mệnh trời giúp nước Việt Nam sinh ra một vị thánh sống để đánh quân Tàu. Trong thời gian ấy có ông *Lê Lợi* người làng Lam Sơn, huyện Lương giang thuộc tỉnh Thanh Hóa là người có nhân đạo. Và lại thông minh có chí anh hùng và có uy tín trong nước, thao lược khác hẳn người thời bấy giờ.

Trời cho một thanh kiếm thần, nhân dân đều trông ngóng. Sau đó lại thấy lũ hung đồ nổi lên làm loạn trong nước. Ông bèn thu phục, chiêu binh tập mã, kén những anh hùng có tài, chí, những người dân làm chiến sĩ ngày đêm được hơn một vạn quân, lại liên hợp cùng với nước Ai Lao để nhờ voi và ngựa trong khi giáp trận.

Ngày tháng lo toan, đoàn kết nhất trí để trả thù khôi phục lại đất nước của đức Tiên vương rồi cùng các Tướng bàn rằng: Đời xưa có một vị thánh nhà Lê họ Đại Hành chống quân nhà Tống đi đến một ngôi đền họ quốc. Đêm thấy thần ngâm thơ rằng:

“Đất nước Việt Nam vua nước Nam được ở. Trời đất đã định từ lâu. Thế mà lũ mày lại xâm phạm. Phen này ắt hẳn lại bại vong”. Nay bị quân Tàu tàn bạo chiếm đóng cả ruộng đất, hà khắc với nhân dân không còn sự sinh tồn nữa, mà bấy giờ ngày càng thêm tệ. Không những là người mà đến quỷ thần cũng oán ghét. Trời đất nào lại dung thứ kẻ gian. Sau đây đại khởi nghĩa quân đồng tâm cố sức ngày đêm đánh gấp, chém giết được lũ tướng là Mộc Thạnh, Liễu Thăng, Hoàng Phúc bêu đầu để dụ quân chúng còn kẻ nào không tuân theo đuổi hết về Tàu.

Trong mười năm quét sạch hết quân Minh, nước Việt Nam trở lại hoà bình độc lập. Vua Lê Lợi lên ngôi đổi niên hiệu là Thuận Thiên đem quân về giữ nước. Từ bấy giờ nhân dân sơ tán tìm về quê hương mà phục hồi cơ nghiệp. Thời bấy giờ có một người bề tôi cận thần Hàn Lâm làm bài “Bình Ngô Đại Cáo”, tuyên truyền trong nước để nhân dân hưởng ứng giữ lấy nước được lâu dài.

Tục truyền rằng thôn Bông Trung xã Vĩnh Tân huyện Vĩnh Lộc thuộc tỉnh Thanh Hoá. Hồi bấy giờ thôn Bông có hai chi họ Đỗ, anh em đều không chịu cái tính, tục gọi là lưỡng Đỗ, và họ Mai, họ Hoàng, sau thêm họ Phạm gọi là Lưỡng Đỗ Hoàng Mai Phạm. Hiện nay thôn rất to lại thêm cả họ Tống họ Nguyễn.

DANH SÁCH CÁC ĐẠI THẦN

- 1 - Đặc tiến phụ quốc tướng quân, tay quân Đô đốc chánh thống lĩnh thần sách quân kiêm Giám thần vũ quân thư quản thập hiệu phán rục quân đồng lý Bình nhung quận công Đỗ Viên Tính (Chính trường chi ngũ đại)
- 2 - Sùng tiến trấn quốc thượng tướng quân, Nam quân Đô đốc kiêm Quản long thao hổ lược nhị vệ chi huy thiêm sự, Đô chi huy sứ Tín quận công Đỗ Viên Tiến (Thứ thứ chi ngũ đại)
- 3 - Đặc tiến phụ quốc tướng quân, Thư bắc quân Đô đốc chánh quản, Thần vũ vệ xuân quang hầu Đỗ Viên Nghiện (Thứ trường chi ngũ đại)
- 4 - Khâm sai tùy quần thảo tặc, Thần công đệ nhất quản trung quân trung doanh, Tả hữu thần vũ vệ, Đô ty thiêm sự tổng chi binh chỉ huy sứ, Bình nhung tướng quân, Chánh quản lĩnh Luyện tín hầu Đỗ Viên Thuần (Chính trường chi lục đại)
- 5 - Thâm sắc quản lĩnh trung phủ thị nội cấm y, Long vũ hầu oai các vệ thống chế, Thuần tín hầu Đỗ Viên Phúc (Thứ chi ngũ đại)
- 6 - Tuyển nhập hộ vệ thị nội, Khâm phủng thánh vệ, Hoài viễn tướng quân chỉ huy sứ, Khang lộc bá Đỗ Trọng Kính (Đỗ Trung Nghị) - (Thứ chi lục đại)
- 7 - Quản thị nội kiêm Sai thường ban mật vụ các thuyền, Tán trị hoài viễn đại tướng quân Đô đốc chỉ huy, Tả Đô đốc Khương công hầu Đỗ Viên Khang (Chính trường chi thất đại)

- 8 - Đặc tiến phụ quốc tướng quân Ty xá vệ đô chỉ huy sứ, Ty chỉ huy thứ vệ sự, Nghĩa vũ hầu Đỗ Cương Chính (Thứ chi thất đại)
- 9 - Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Tiết chế đông quân đô thống chánh đốc đề đốc, Ký quận công Đỗ Viên Thành (Chính trưởng chi bát đại)
- 10 - Đặc tiến phụ quốc tướng quân, Phụng thánh vệ trung định sở phó quản, Vũ khê bá Đỗ Chính Lễ (Thứ chi hựu bát đại)
- 11 - Từ tiết tuyên lược công thần, Đặc tiến Kim tử vinh, Lộc đại phu lại bộ, Thuyên khảo thanh sử ty viên ngoại lang, Hương khê nam Đỗ Chân Hiền (Thứ chi thất đại)
- 12 - Quang tiến thận Lộc đại phu Thái bộc tự nghiêu thiếu khanh Đỗ nhân Chiêu (Đỗ Viên Đạt) - (Thứ chi cửu đại)
- 13 - Tán trị công thần Đặc tiến Kim tử vinh, Lộc đại phu, Sơn nam đẳng sứ tán trị thừa chính sứ ty tham nghị Tây kinh điện, Thái thường tự khanh, Thọ lĩnh tử Đỗ Quang Hoa (Thứ thứ chi hựu cửu đại)
- 14 - Mậu lâm tá lang lễ bộ thanh sử, Ty viên ngoại lang Đỗ quang Chiêu (Thứ thứ chi thập đại)
- 15 - Trung doanh thần vũ vệ đô ty thiêm sự, Tổng chi chỉ huy sứ, Thuần lễ hầu...
- 16 - Kỳ tị khoa chính tiến sĩ công bộ, Hữu thị lang thừa sứ đốc đồng Sơn Tây Nghệ An nhị trấn, Đông lĩnh tử.

NHẤT ĐẠI TRIỆU TÔ

(Đời thứ nhất)

ĐỖ CÔNG HÚY PHIÊM

THỤY NGUYÊN KHÔNG, TỰ VIÊN THỊNH

(1378 - 1441)

Ông là con trai cụ Đỗ Phú, bà là Lê thị Hiệu Từ Chinh, Ông bà sinh được 2 người con, một người con trai và một người con gái. Trong Gia phả ghi rằng: Ông gặp phải năm đói, lại gặp mùa rét, nhà nghèo, tuổi già. Lúc đó ông sống ở nơi rừng rú, nơi đó gọi là mả mốc. Ở đây rất hoang vắng không một bóng người qua lại. Đêm ngày chỉ thấy những con sâu bọ, chim chóc, ong bướm hoặc những làn mây, cơn gió thoảng qua. Sống được một thời gian không may ông từ già cõi đời. Ông mất năm 1444. Nhờ sống lương thiện nên khi mất ông được *đàn môi đùn đất thành một ngôi mộ*. Đến lúc dâu con đi làm về trông thấy thế coi là vẻ thiên nhiên đã ấn định. Đến khi bà chết lại đem mộ táng ở cạnh mộ ông (Tọa hướng Quý). Bấy giờ đổi làm khu cồn ông.

Khu đất này rộng một mẫu, ba sào, năm thước ở cạnh làng. Nhà thờ hướng Tây bắc trông ra núi Đa Bút, hai cạnh có ngô con, Xung quanh chu vi đều có mốc y như trong Gia phả đã nói. Trong khu đất này có mả cụ *cháu ba đời là vợ chồng cụ Đỗ Viên An*. Khu đất ấy còn có một số cây cổ thụ để làm di tích.

Con trai trưởng của cụ là Đỗ Viên Nhân. Con gái là Đỗ thị Hiệu, Xuân Dung Quế Hoa Nương, hiệu Từ Đức. Bà đi lấy chồng, nhưng không có con. Về sau bà đã trở về nhà chăm sóc cha lúc tuổi già. Vì công lao đó nên bà đã được thờ tại bàn thờ bên hũu của Nhà Thờ Từ Đường hiện nay. Con cháu vẫn thường gọi là bàn thờ bà Tổ Cô. Giỗ ông ngày: 17 tháng 12. Giỗ bà ngày: 19 tháng Giêng.

THỨ TRƯỞNG CHI

THỨ TRƯỞNG CHI TỨ ĐẠI TỔ

(Đời thứ tư thứ của chi trưởng)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ VIÊN ĐỨC

Ông là con thứ hai cụ Viên Thông, bà là Hoàng Thị hiệu Từ Chí, sinh được ba người con. Má ông ở cồn Quýt, tọa Càn, hướng Tốn, giỗ ngày mười tư tháng tám. Má bà ở Lập Vệ, tọa Tân, hướng Ất, giỗ ngày hai tư tháng ba.

Con trai trưởng là Đỗ Túc Khang. Ông này thừa nhỏ rất chăm học ở nhà nhưng thi không đỗ. Ông buồn bã rời ra Kinh Thành vào trường Quốc Tử học tập. Lúc ấy thường hay qua lại dinh của nàng Thị Lộ. Nhân thế mà việc nhân duyên thành công và cùng đem nhau về làng Hà Vĩ (Tức làng Quay ngày nay), huyện Đông ngàn, ngoại thành Hà Nội. Đến niên hiệu Hồng Đức thứ hai mươi bảy, khoa Bính Thìn lấy quê vợ đi thi đỗ tiến sĩ thứ hai mươi hai.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Nghiện.

Con trai thứ ba là Đỗ Đại Uyên. Ông lúc nhỏ rất chăm học văn chương, phát triển có tiếng ở đất Kinh Thành. Nhân lấy bà Nguyễn Thị Trù, người làng Hương Mạc (Tức làng Me Cả ngày nay), huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên. Ông lấy quê vợ đi thi, đỗ tiến sĩ thứ mười bốn.

Hai anh em thi đỗ một khoa, trong Triều Đình rất quý trọng .

Lại nói đến bố là cụ Viên Đức lấy bà Nguyễn Thị Tình, người làng Ngoại Lãng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà đông sinh được ông Đỗ Lý Khiêm, đến niên hiệu Cảnh Thống năm thứ hai, khoa kỷ Mùi lấy quê mẹ đi thi, đỗ Thám Hoa. Sau lại sinh ra ông Đỗ Oanh, đến niên hiệu Quảng Hoà Thụy Khánh năm thứ tư, khoa Mậu Thìn thi đỗ tiến sĩ thứ bốn mươi, sau làm quan đến Thượng Thư.

THỨ TRƯỞNG CHI NGŨ ĐẠI TỔ

(Đời thứ năm thứ của chi trưởng)

NIÊN HIỆU CẢNH THỐNG NĂM THỨ BA SẮC PHONG PHỤ QUỐC TƯỚNG QUÂN, BẮC QUÂN ĐÔ ĐỐC CHÁNH QUÂN, THẦN VŨ DOANH VỆ, XUÂN QUANH HẦU, ĐỖ QUÝ CÔNG, TỰ VIÊN NGHIỆN.

Ông là con trai thứ hai cụ Viên Đức, bà là Phạm Thị Túc, sinh được năm người con. Mả ông ở Cổ Ngựa, giỗ ngày hai mươi tháng chín. Mả bà ở Góc Đa, giỗ ngày mười sáu tháng ba.

Con trai trưởng là ông Đỗ Văn Miện. Ông lúc nhỏ là con nhà thế gia, ra Kinh Thành học tập, nhân lấy bà Lê Thị Hưng, người làng Hoàng Mai, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đến niên hiệu Thụy Khánh năm đầu, khoa Ất Sửu lấy quê vợ đi thi, đỗ tiến sĩ thứ hai mươi hai.

Con trai thứ hai là ông Đỗ Duy Tố nổi nghiệp.

Con trai thứ ba là ông Đỗ Văn Trù. Ông là con nhà quan, vốn tính lại kiêu, được ăn học. Nhân gặp bà Đồng Thị Nhu, người làng Yên Ninh (tức làng Nénh ngày nay), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đến niên hiệu Quang Thiệu năm thứ ba, khoa Canh Thìn lấy quê vợ đi thi, đỗ tiến sĩ thứ năm

Con gái thứ tư là bà Đỗ Thị Quyên.

Con gái thứ năm là bà Đỗ Thị Trang.

THỨ TRƯỞNG CHI LỤC ĐẠI TỔ

(Đòi thứ sáu thứ của chi trưởng)

NIÊN HIỆU QUANG THIỆU NĂM THỨ SÁU SẮC PHONG TIẾN CÔNG THỨ LANG, THẦN SÁCH QUÂN HIỂN BẠ, TUYÊN QUÂN PHÓ QUẢN, LĨNH DU SƠN BÁ, ĐỖ LỆNH THUY, TỰ VIÊN TỐ

Ông là con trai thứ hai cụ Viên Nghiện, bà là Nguyễn Thị Lương, sinh được ba người con. Mả ông ở cồn Bói, giỗ ngày mồng mười tháng mười, mả bà ở cồn Trung, Giỗ ngày mồng chín tháng Giêng.

Con trai trưởng là ông Đỗ Lệ Trạch. Ông này lúc ít tuổi văn chương rất giỏi, có tiếng là người lỗi lạc trong giang hồ. Nhân lấy bà Lê Thị Thuần, người làng Hữu Chấp, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Đến niên hiệu Cảnh Lịch thứ ba, khoa Canh Tuất lấy quê vợ đi thi, đỗ tiến sĩ thứ mười bốn.

Con trai thứ hai là ông Đỗ Thiện Cơ nổi nghiệp.

Con gái thứ ba là bà Đỗ Thị Bông.

THỨ TRƯỞNG CHI THẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ bảy thứ của chi trưởng)

NIÊN HIỆU CHÍNH TRỊ NĂM THỨ TƯ SẮC PHONG TIẾN CÔNG THỨ LANG, THẦN VŨ QUÂN THAM QUÂN, ĐỊNH THÀNH BÁ, ĐỖ ĐỊNH CÔNG, TỰ THIỆN CƠ

Ông là con trai thứ hai cụ Duy Tố, bà là Lê Thị Trát, sinh được bốn người con. Mả ông ở Bái Nội, giỗ ngày 21 tháng 9 Âm lịch. Mả bà ở Đa Đồi giỗ ngày 23 tháng 5 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Cảnh. Ông lúc nhỏ theo cha ra kinh thành học tập, nhân lấy bà Hoàng Thị quê ở xã Hoàng Liệt (tức thôn Đại Từ ngày nay) thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh

Hà Đông nội thành Hà Nội. Đến niên hiệu Chính Trị năm thứ tám ông lấy què vợ đi thi, đỗ tiến sĩ thứ chín. Làm quan đến Thượng Thư tước phong Sâm Dương Bá.

Con trai thứ hai là Đỗ Quang Nghĩa. Ông này đem quân đi tuần, giữa đường không may bị chết.

Con trai thứ ba là Đỗ Duy Trang nổi Nghiệp.

THỨ TRƯỞNG CHI BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám thứ của chi trưởng)

NIÊN HIỆU HOÀNG ĐỊNH THỨ MƯỜI LĂM SẮC PHONG TIẾN CÔNG THỨ LANG, PHẤN DỤC QUÂN, ĐIỂN QUÂN, TỰ QUÂN PHÓ QUẢN LĨNH TRUNG NGHĨA BÁ, ĐỖ LỆNH CÔNG, TỰ DUY TRANG

Ông là con trai thứ ba cụ Thiện Cơ, bà là Mai thị Minh, sinh được ba người con. Mả ông ở Đọi Đền, giỗ ngày 2 tháng 5 Âm lịch. Giỗ bà ngày 11 tháng 6 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Quang Tiến nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Quang Thế.

THỨ TRƯỞNG CHI CỬU ĐẠI TỔ

(Đòi thứ chín thứ của chi trưởng)

NIÊN HIỆU VĨNH TỘ NĂM THỨ TÁM SẮC PHONG MẬU LÂM TÁ LANG, BINH BỘ VIÊN NGOẠI, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, HUÝ QUÂN, TỰ QUANG TIẾN

Ông là con trai trưởng cụ Duy Trang lấy bà Đỗ Thị Duyên. Ông này bị hồn thú đã phải trừng phạt trước mặt họ trong thời bấy giờ.

Con trai thứ nhất là Đỗ Quang Luận nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Duy Luật.

Con trai thứ ba là Đỗ Duy Cẩm.

Con gái thứ tư là Đỗ Thị Dư.

Con gái thứ năm là Đỗ Thị Ư.

THỨ TRƯỞNG CHI THẬP ĐẠI TỔ

(Đòi thứ mười thứ của chi trưởng)

ĐỖ QUÝ CÔNG, TỰ QUANG LUẬN

Ông là con trai trưởng cụ Quang Tiến, bà là Mai thị Mỹ, sinh được bốn người con. Mả ông ở Đa Đôi, giỗ ngày 25 tháng 3 Âm lịch. Mả bà ở Đường Thẳng, giỗ ngày 6 tháng 9 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Duy Hám nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Hoàng.

Con trai thứ ba là Đỗ Công Chấn tên huý là Công Lang. Ông này lúc nhỏ đương lúc rong chơi, vào ngày 10 tháng 8 khoảng niên hiệu Vĩnh Thịnh năm đầu thì bị bắt cóc. Đó là một người lái buôn, người thôn Đôn Thư, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông tên là Vũ Quốc Cẩm. Khi ông ta đỗ thuyền lên chợ thì thấy ông Công Lang họ ta, mới lên 5 tuổi

mà mặt mũi khôi ngô. Vợ chồng ông Quốc Cẩm có bàn nhau rằng: "Đứa trẻ này ắt sau này làm nên hiển quý, chi bằng vợ chồng mình bắt quách hẳn xuống dưới thuyền cho vui cảnh vợ chồng già. Rồi sau lớn cho ăn học để vợ chồng mình trông cậy lúc tuổi già". Bàn định xong xuôi Quốc Cẩm bèn bế Công Lang xuống thuyền. Vợ thì mua hết của ngon, vật lạ cho ông ăn. Ông đã được thưởng thức những món quà quý báu đó nên quên cả gia đình.

Khi lớn lên Quốc Cẩm cho ông ăn học. Ông rất thông minh nên đến niên hiệu Bảo Hoà, năm thứ năm, khoa Giáp Thìn ông đi thi và đã đỗ tiến sĩ thứ năm. Sau khi đỗ rồi ông có về lễ yết nhà thờ họ nhưng anh em họ không nhận. Ông buồn bực lại trở về thôn Đôn Thư lập nghiệp.

THỨ TRƯỞNG CHI THẬP NHẤT ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười một thứ của chi trưởng)

ĐỖ QUÝ CÔNG, TỰ DUY HÁM

Ông là con trai trưởng cụ Quang Luận, bà là Phạm Thị Liễu, sinh được ba người con. Mả ông ở cồn Liên, giỗ ngày 29 tháng Giêng Âm lịch. Mả bà ở Điểm Thí, giỗ ngày 23 tháng 11 Âm lịch.

THỨ TRƯỞNG CHI THẬP NHỊ ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười hai thứ của chi trưởng)

ĐỖ QUÝ CÔNG, TỰ DUY TINH

Ông là con trai thứ hai cụ Duy Hám, bà là Thị Nhân, sinh được năm người con. Mả ông ở Lạc Ngà, giỗ ngày 1 tháng 8 Âm lịch, Mả bà cũng ở Lạc Ngà, giỗ ngày 19 tháng 7 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Thiện Hội.

Con trai thứ hai là Đỗ Thiện Tăng.

Con trai thứ ba là Đỗ Huy Lạn.

THỨ CHI

THỨ CHI TAM ĐẠI TỔ

(Đời thứ ba chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG, HUÝ BỊ, TỰ VIÊN AN

Ông là con trai thứ hai cụ Viên Nhân, bà là Nguyễn thị Đạo, sinh được chín người con. Mả ông ở cạnh mả Tổ, giỗ ngày mồng ba tháng bảy. Mả bà ở Mả Dứa, giỗ ngày mồng một tháng mười.

Con trai trưởng Đỗ Viên Trung, tên húy là Liễu.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Chính, tên húy là Cầm.

Con trai thứ ba là Đỗ Viên Nghị, tên húy là Lũ Thụy.

Con trai thứ tư là Đỗ Viên Thuận, tên húy là Liêm.

Con gái thứ năm là Đỗ Thị Đàm.

Con gái thứ sáu là Đỗ Thị Đồng.

Con gái thứ bảy là Đỗ Thị Tràm.

Con gái thứ tám là Đỗ Thị Tròng.

Con gái thứ chín là Đỗ Thị Quang.

THỨ CHI TỬ ĐẠI TỔ

(Đời thứ tư chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG THỤY VIÊN TRUNG

Ông là con trai trưởng cụ Viên An, bà là Hoàng Thị Quang, sinh được bảy người con. Mà ông ở cồn Bói, giỗ ngày mồng một tháng chín, mà bà ở cồn Trung, giỗ ngày hai mươi tháng ba.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Minh. Ông dáng người cao lớn, khỏe mạnh, và lại trông có tướng anh hùng. Khi nhập ngũ ông được ưu tiên nhất thiên hạ. Ông được đem quân đánh nước Chiêm Thành (Tức Thái Lan ngày nay). Ông là người nhập được vào Thành đầu tiên, chém được tướng giữ Thành và đem thú cấp về dâng thành công đệ nhất. Và ông được phong làm Cao Phong Hầu, Tổng binh chỉ huy sứ. Sau đó được ba năm thì ông mất. Người ta kể lại lúc sinh thời, khi ông đi tuần phủ Hải Dương nhân gặp và lấy bà Nguyễn Thị Tòng, người thôn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Sau đó sinh ra ông Đỗ Duy Kiểm. Đến niên hiệu Hồng Đức năm thứ hai mươi mốt, khoa Canh Tuất ông Kiểm lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ sáu. Sau lại sinh ra ông Đỗ Đình Huấn. Đến niên hiệu Cảnh Thống năm thứ hai, khoa Kỷ Mùi đi thi và đỗ tiến sĩ thứ mười sáu. Chi này an cư lạc nghiệp ở Tứ Kỳ, không trở về Thanh Hoá nữa.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Bách. Ông được chức Bá hộ ty xá nhân.

Con trai thứ ba là Đỗ Viên Khuê. Ông lúc nhỏ ra làm thuê ở ngoài Bắc sau lấy bà Vũ Thị Lượng, người thôn Đỗ xá, huyện Đường Hào (Nay đổi là Mỹ Hào). Ông sinh ra ông Đỗ Trác Dy. Đến niên hiệu Minh Định năm đầu, khoa Đinh Mùi ông Dy lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ hai mươi mốt. Sau lại sinh ra ông Đỗ Hồng. Đến niên hiệu Diên Thành năm thứ ba, khoa Canh Thìn đi thi và đỗ Thám Hoa. Chi này an cư lạc nghiệp ở đấy, không về quê cũ nữa.

Con trai thứ tư là Đỗ Viên Phúc, tên húy là Lang, nổi nghiệp.

Con trai thứ năm là Đỗ Chính Đức.

THỨ CHI NGŨ ĐẠI TỔ

(Đời thứ năm chi thứ)

NIÊN HIỆU CẢNH THỐNG NĂM THỨ NĂM SẮC PHONG QUẢN LĨNH TRUNG
PHỦ THỊ NỘI CẨM Y, LONG VŨ HỔ OAI NHI VỆ, THUẦN TÍN HẦU, ĐỖ TƯỚNG
CÔNG, HUÝ LANG TỰ VIÊN PHÚC

Ông là con trai thứ tư cụ Viên Trung, bà là Vũ Thị Thuận. Ông giỗ ngày mười ba tháng chín. Sinh được bốn người con. Bà giỗ ngày mười tám tháng sáu. Sau đó ông lại lấy bà Cao thị Đồng, người làng Mễ Trì, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Tây (Nay thuộc Hà Nội) và sinh ra ông Đỗ Văn Hăng. Đến niên hiệu Hồng Thuận năm thứ sáu ông Hăng lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ hai mươi sáu.

Con trai trưởng là Đỗ Trung nghị, tên húy là Quyên.

Con trai thứ hai tên húy là Hậu. Ông lúc sinh thời là Xã trưởng. Đến niên hiệu Thống Nguyên năm thứ hai được tuyển vào nhà binh. Đến niên hiệu Cảnh Lịch năm thứ ba được cất nhắc làm chức Thị nội cầm y vệ đô chỉ huy, Quang Lương Hầu. Ông lấy người vợ trước không có con. Sau lại lấy bà Phạm Thị Văn và sinh ra các ông Đỗ Huệ Nghiệm, Đỗ Huệ Lạc, Đỗ Đăng Khoa, Đỗ Đăng Cao. Hiện giờ lập quán ở xã Kinh Thủy, không về quê cũ nữa.

Con trai thứ ba là Đỗ Duy Quang tên thụy là Hiến Mỹ. Ông lúc trẻ làm Xã trưởng, đem quân đánh họ Mạc, họ Trịnh. Đến niên hiệu Chính Trị năm thứ hai được sắc phong Tán trị công thần, Bình nhung tướng quân, Đô chỉ huy sứ, Thứ Bình Hầu. Vợ là Phạm Thị Hỷ sinh ra ông Đỗ Hiến Đức. Ông Đức theo cha đi đánh giặc, có công nên đến niên hiệu thứ mười được phong 5 sắc phong: Yết tiết, Tuyên lực công thần, Hoài Viễn tướng quân, Chỉ huy sứ, Nhân lực hầu. Ông lấy bà Thị Nhân sinh ra ông Đỗ Hiến Nghĩa. Đến niên hiệu Quang Hưng thứ 16 được bổ làm Chi huyện huyện Thạch Thành và được phong là Văn Tuyển Từ. Vợ ông là Nguyễn Thị Hậu, quê quán ở xã Kinh Thủy sinh ra các ông Đỗ Đạo An và Đỗ Đạo Ân. Chi này an cư ở đấy không về quê nữa.

Con gái thứ tư là Đỗ Thị By.

THỨ CHI HỰU NGŨ ĐẠI TỔ

(Đòi thứ năm con thứ chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH ĐỨC

Ông là con trai thứ năm cụ Viên Trung, bà là Nguyễn Thị Thuận, sinh được sáu người con. Hai mà ông bà đều ở Lạc Ngà. Giỗ ông 14 tháng 2 Âm lịch, giỗ bà 27 tháng 6 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Nghị thụy là Đỗ Chương. Ông giỏi nghề văn chương có tiếng thời bấy giờ. Nhân lấy bà Vũ thị Bạt, người làng Quang Bị, huyện Gia Phúc, tỉnh Hải Dương. Niên hiệu Quang Thuận năm thứ hai, khoa Mậu Dần lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 13. Sau lại sinh ra ông Đỗ Cương. Niên hiệu Thống Nguyên năm thứ hai, khoa Quý Sửu đi thi và đỗ tiến sĩ thứ mười ba.

Con trai thứ hai là Đài tên chữ là Đỗ Chính Niệm. Lấy bà Thị Mao không có con. Bấy giờ tuổi đã 40, buồn bực ra ngoài Bắc giữa đường gặp và lấy bà Đồng Thị Duyên, là người lái buôn. Sau đó đã đem nhau về bản quán là thôn Khả Lý, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Sau đó sinh ra ông Đỗ Đông Dy. Đến niên hiệu Quảng Hoà năm thứ năm, khoa Giáp Thìn lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ bảy.

Con trai thứ ba là Đỗ Chính Nghĩa, nổi nghiệp.

Con trai thứ tư là Đỗ Chính Mỹ.

Con gái là Đỗ Thị Đáp.

Con gái thứ sáu là Đỗ Thị Hóa.

THỨ CHI LỤC ĐẠI TỔ

(Đời thứ sáu chi thứ)

NIÊN HIỆU THỐNG NGUYÊN NĂM THỨ HAI TỬ NHẬP HỘ VỆ THỊ NỘI, KHÂM PHÙNG THÁNH VỆ, HOÀI VIỄN TƯỚNG QUÂN CHỈ HUY SỨ, KHANG LỘC BÁ, ĐỖ QUÝ CÔNG, HUÝ QUYÊN, TỰ TRUNG KÍNH (TRUNG NGHỊ)

Ông là con trai trưởng cụ Viên Phúc, sinh được bốn người con. Mả ông ở Bái Nội, giỗ ngày 21 tháng 10 Âm lịch. Bà là Mai Thị Thảo, mả ở Cây Đa, giỗ ngày 3 tháng 3 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Tín, tên húy là Dụng. Niên hiệu Chính Trị năm thứ ba được sắc phong Kiệt Tiết tuyên lực mậu lâm lang, Thủy Thường huyện huyện Thừa, Thận Nghĩa Nam. Đỗ Lệnh Công húy Dụng tự Viên Tín, vợ là Phạm Thị Hiệu sinh hai người con. Hai mả đều ở cồn Bói. giỗ bà ngày 2 tháng 11 Âm lịch.

Ông lại lấy bà nữa ở Bồng Thượng sinh được ba người con, giỗ ngày 8 tháng 10 Âm lịch.

Con trai thứ hai (Con trưởng của bà sau) tên húy là Độ tự Cương Chính, nổi nghiệp.

Con trai thứ ba (Con thứ hai của bà sau) là Đỗ Chân Hiền tên húy là Lệ, nổi nghiệp.

Con trai thứ tư (Con trai thứ ba của bà sau) là Đỗ Diễn Khánh tên húy là Tuấn.

THỨ CHI HỮU LỤC ĐẠI TỔ

(Đời thứ sáu con thứ chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH NGHĨA

Ông là con trai thứ ba cụ Chính Đức, bà là Phạm Thị Hỷ, sinh được một người con. Mả hai ông bà đều ở Ông Voi. Giỗ ông 25 tháng 10 Âm lịch, giỗ bà ngày 10 tháng 5 Âm lịch.

THỨ CHI THẤT ĐẠI TỔ

(Đời thứ bảy chi thứ)

NIÊN HIỆU CHÍNH TRỊ NĂM THỨ SÁU SẮC PHONG KIẾT TIẾT TUYÊN LỰC, ĐẶC TIẾN PHỤ QUỐC TƯỚNG QUÂN, TỶ XÁ VỆ, ĐÔ CHỈ HUY SỨ TỶ CHỈ HUY THỨ VỆ SỰ, NGHĨA VŨ HẦU, ĐỖ LỆNH CÔNG, HUÝ ĐỘ, TỰ CƯƠNG CHÍNH, THỤY VIÊN THỌ

Ông là con trai thứ hai cụ Trung Kính (Con trai trưởng của bà sau), vợ là Lê thị Trất, sinh được 4 người con. Mả ông ở Ông Voi, giỗ ngày 7 tháng Chạp Âm lịch. Mả bà ở Quần Chiêu, giỗ ngày 10 tháng 5 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Trọng Hoa, nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Tính, tên húy là Lung.

Con gái là Đỗ Thị Bình.

THỨ CHI HỰU THẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ bảy con thứ chi thứ)

NIÊN HIỆU CHÍNH HOÀ TRỊ NĂM THỨ BẢY KỶ DẬU KHOA HƯƠNG THÍ CỐNG SINH, NIÊN HIỆU CHÍNH TRỊ THỨ MƯỜI LĂM SẮC PHONG THỤ KIẾT TIẾT TUYÊN LỰC CÔNG THẦN, ĐẶC TIẾN KIM TỬ VINH, LỘC ĐẠI PHU LẠI BỘ, THUYỀN KHẢO THANH LẠI, TY VIÊN NGOẠI LANG, LƯƠNG KHÊ NAM, ĐỖ CÔNG LỆ, THỤY MỸ CHÂN HIỀN, HIỆU TRÚC LÂM TIÊN SINH

Ông là con trai thứ ba cụ Trung Kính (Con trai thứ hai của bà sau), vợ là Dương Thị Ái, sinh được ba người con. Mả ông ở Cổ Ngựa, giỗ ngày 7 tháng 10 Âm lịch, mả bà cồn Suong, giỗ ngày 26 tháng 4 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Đức.

Con trai thứ hai là Đỗ Hưng Viễn đi Công giáo.

THỨ CHI HỰU THẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ bảy con thứ chi thứ)

NIÊN HIỆU QUANH HÙNG THỨ MƯỜI LĂM SẮC PHONG QUẢN TRỊ TRUNG TẢ HẦU HỘ VỆ, PHÙNG THÁNH VỆ, HOÀI VIỄN TƯỚNG QUÂN, DĨNH XUYÊN HẦU, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, THỤY TRẦN, TỰ DIỄN KHÁNH, HIỆU DỤ HẬU PHỦ QUÂN

Ông là con trai thứ tư cụ Trung Kính (Con trai thứ ba của bà sau), vợ là Từ Huyền, sinh được ba người con. Mả ông ở Xuân Mồ, giỗ ngày 25 tháng Giêng Âm lịch. Mả bà ở Bái Con, giỗ ngày 9 tháng 2 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Thông Minh.

Con trai thứ hai là Đỗ Phúc Hậu.

Con gái thứ ba là Đỗ Từ Thuận.

THỨ CHI HỰU THẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ bảy cháu chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH ĐẠT

Ông là con trai trưởng cụ Chính Nghĩa, bà là Nguyễn Thị Đức, sinh được hai người con. Mộ hai ông bà đều ở cồn Bói. Giỗ ông ngày 11 tháng 10 Âm lịch, giỗ bà ngày 12 tháng Chạp Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Nghiêm.

Con gái là Đỗ Thị Huệ.

Ông lại lấy bà vợ lẽ là Trịnh Thị An và sinh được ba người con. Bà lẽ giỗ ngày 25 tháng 10 Âm lịch

Con trưởng của bà vợ lẽ là Đỗ Chính Lễ (Vũ Khê Bá), nổi nghiệp.

Con trai thứ hai của bà vợ lẽ là Đỗ Chính Trực.

Con gái của bà vợ lẽ là Đỗ Thị Dung.

THỨ CHI BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám chi thứ)

NIÊN HIỆU QUANG HÙNG THỨ MƯỜI BẢY, GIÁP NGỌ HƯƠNG THÍ, NHẤT CỬ CỐNG SĨ. NIÊN HIỆU HOÀNG ĐỊNH HẸM THỨ BA SẮC PHONG QUẢN ĐÔN HẬU CÔNG THẦN, QUANG TIẾN THẬN LỘC ĐẠI PHU CÔNG BỘ, THUYỀN KHẢO THANH SỬ, TY VIÊN NGOẠI LANG, HƯƠNG KHÊ NAM, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, HUỖ TRỌNG HOA, THỤY CHÂN ĐỊNH, TỰ MINH TRIẾT TIÊN SINH

Ông là con trai trưởng cụ Viên Thọ (Đỗ Cương Chính), bà là Nguyễn thị Hính, sinh được sáu người con. Mả ông ở cồn Trung, giỗ ngày 8 tháng Giêng Âm lịch. Mả bà ở cồn Bói, giỗ ngày 29 tháng 6 Âm lịch.

Ông lại lấy bà vợ lẽ là Phạm Thị Đoài, ở làng Hương Thị, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây và sinh được ông Đỗ Đễ. Đến niên hiệu Chính Hòa năm thứ sáu, khoa Ất Sửu ông Đễ lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ bảy.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Đào.

Còn bốn người con không rõ.

THỨ CHI HẬU BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám con thứ chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ VIÊN ĐỨC

Ông là con trai trưởng cụ Đỗ Chân Hiền (Cụ Trúc Lâm tiên sinh), bà là Phạm Thị Tâm, sinh được ba người con trai. Mả hai ông bà đều ở Sau Miếu. Giỗ ông ngày 12 tháng 5 Âm lịch, giỗ bà ngày 1 tháng 8 Âm lịch.

THỨ CHI HẬU BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám con thứ chi thứ)

NIÊN HIỆU VĨNH TỘ THỨ MƯỜI SẮC PHONG KIỆT TIẾT CÔNG THẦN, ĐẶC TIẾN KIM TỬ VINH, LỘC ĐẠI PHU HỘ BỘ, THUYỀN KHẢO THANH SỬ TY LANG, VĂN HIỂN BÁ, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, TỰ THÔNG MINH, HIỆU THẬN ĐỨC TIÊN SINH

Ông là con trai trưởng cụ Dĩnh Xuyên Hầu Đỗ Diển Khánh, bà là Thị Thực, sinh được hai người con. Mả ông ở Xuân Bô, giỗ ngày 9 tháng 3 Âm lịch. Mả bà ở Bãi Lau, giỗ ngày 5 tháng 4 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Thiện Triết.

Con trai thứ hai là Đỗ Minh Mẫn.

THỨ CHI HỤY BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám con cháu của chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH NGHIÊM

Ông là con trai trưởng cụ Chính Đạt, bà là Phạm Thị Hảo, sinh được năm người con. Mẹ hai ông bà đều ở cồn Bói. Giỗ ông ngày 2 tháng 3 Âm lịch, giỗ bà ngày 7 tháng 3 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Phúc, nổi nghiệp.

Con trai thứ ba là Đỗ Sinh Đồ, tự Chính Hiền.

Con gái là Đỗ Thị Hiền.

THỨ CHI HỰU BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám con cháu chi thứ)

NIÊN HIỆU VĨNH TỘ NĂM ĐẦU SẮC PHONG ĐẶC TIẾN PHỤ QUỐC TƯỚNG QUÂN, PHÙNG THÁNH VỆ, TRUNG ĐỊNH SỞ, PHÓ QUẢN LĨNH VŨ KHÊ BÁ, ĐỔ TƯỚNG CÔNG, HUÝ CHIÊU TỰ CHÍNH LỄ

Ông là con trai trưởng của vợ lẽ cụ Chính Đạt, bà là Đỗ thị Đức, sinh được năm người con. Mẹ hai ông bà đều ở cồn Hạc. Giỗ ngày 3 tháng 2 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Đạo, tên huý là Trình, nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Chính Chung.

Con trai thứ ba là Đỗ Thiện Chính, tên huý là Tuấn. Đến niên hiệu Vĩnh Thọ năm thứ hai, khoa Kỷ Hợi đi thi và đỗ tiến sĩ. Xuất thân Công bộ hữu thị lang, Đông lĩnh tử chí sĩ.

THỨ CHI CỬU ĐẠI TỔ

(Đòi thứ chín chi thứ)

QUỐC TỬ GIÁM, GIÁM SINH, ĐỔ LỆNH CÔNG, TỰ VIÊN ÔN, THỤY THIỆN GIÁP, HIỆU THUẬN ĐỐC TIÊN SINH

Ông là con trai trưởng cụ Viên Đức, bà là Trịnh Thị Nhất.

Con trai trưởng là Đỗ Thiện Vi. Niên hiệu Đương Đức năm đầu ông được tuyển vào làm Các vệ. Ông cùng các nghĩa quân đi tuần tỉnh Quảng Nam. Trong lúc đó nhà ông nghèo túng hai em của ông mới 14 và 17 tuổi đều phải xa nhà. Nhân thế ông bèn đem gia quyến ra xã Phú Lý, thuộc huyện Đông Sơn dạy học để lấy tiền nuôi gia đình. Từ đấy về sau ông không về Thanh Hóa nữa.

Con trai thứ hai là Đỗ Vi Bình. Ông sinh trưởng trong một gia đình nghèo túng, theo anh đi ở để nuôi thân. Đến niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ tư không may lại gặp nước lụt lại bị sâu hoàng trình cắn hết hoa màu. Nhân dân vùng ấy chết đói rất nhiều. Lúc ấy anh em ông đành phải lìa tan mỗi người một phương để kiếm ăn. Anh ở làng Ngọc Đới, huyện Thuần Phúc. Anh an cư ở đấy không trở về quê cũ nữa.

Con trai thứ ba là Đỗ Thiện Mẫn. Ông lúc 14 tuổi nhờ anh nuôi nắng. Đến niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ tư lại bị nước lụt lúc ấy ông 22 tuổi đi làm thuê để kiếm ăn. Đến niên hiệu Chính Hòa năm thứ hai nhân dân vùng ấy chết dịch rất nhiều, ông sợ bèn về xã Yên Vực mà ở rồi lấy vợ và an cư lạc nghiệp ở đấy.

Ông sau này được rèn luyện nghề văn. Đến niên hiệu Vĩnh Thọ năm thứ hai ông đi thi nhưng không đỗ tiến sĩ. Buồn bực quá ông bèn ra ngoài Bắc, nhân gặp và lấy thêm bà Đồng Thị Thọ, người thôn Tuấn Dị, thuộc huyện Gia Lâm, nội thành Hà Nội và dạy học ở đấy. Đến niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ tư lại bị võ đê. Nhân dân chết đói rất nhiều, bà Đồng Thị Thọ cũng chết. Bà trước đó sinh được hai người con gái, ông bà đặt tên là Đỗ Thị Gia và Đỗ Thị Dị, có nghĩa là Gia Lâm Tuấn Dị. Trong thời gian ấy ông hồi tưởng nhớ gia đình, lòng như lửa đốt. Đến ngày mồng 10 tháng 10 ông đưa 2 con gái trả bố vợ rồi về quê thăm gia quyến. Về đến quê thấy cửa nhà đổ nát, sân rêu, nhà mọc, vợ con tan tác ông bèn khóc và than rằng: "*Vong gia hương hê, lập thân an, thân bất an, hồi quán dĩ tàn*" có nghĩa là: "Bỏ nơi quê cha hồng lập nghiệp, chẳng được yên, về quê quán lại tàn". Ông đành thôi và đi ra Tây Kinh tạm trú ngụ nuôi thân, rồi sau lại tìm vợ con. Đến ngày 18 thì ông tới Tây kinh và tìm nơi dạy học. Ngày 19 ông đến xã Xuân Hồ, huyện Nội Dương thì gặp ông Lê Hữu Đạo. Ông Đạo hỏi, ông đáp rất có lễ phép. Ông Hữu Đạo bèn đưa ông về nhà. Hai người ngao du phong thể được 10 ngày. Từ đấy về sau người làng ấy đã phục hồi lại nghề dạy học của ông. Ông lại ngâm thơ rằng: "*Tứ thập niên dư, tiến sĩ không, giám sinh tái kết hữu sinh đồng. Thử niên bất chúng tha niên chúng, cấp nguyện Hoàng Thiên thượng giám trung*" có nghĩa là: "Hơn 40 năm vào thi chẳng đỗ, dạy học làm bạn cùng lũ trẻ con. Khoa này chẳng đỗ đành khoa khác, trò kia sao cứ phụ người ngay".

Đến mồng 12 tháng 10 năm ấy ông khai trường dạy học. Dạy được 5 ngày, đêm nằm trong màn ông thấy Thần hiện lên bảo rằng: "Xuân lời khắc thiện đông thiên địa, thập nhất tha hương Cống sĩ phu". Ngay lúc ấy ông bèn đoán ra rằng; "Đến khi có sấm ra mắt mùa xuân có lẽ vợ mình có thai đến tháng 11 thì sinh được cậu Cử nhân cho bố công".

Ngày ngày hôm sau ông bèn đi tìm hiểu và lấy bà Lê Thị Thanh cho ứng vào lời Thần đã báo. Sau này quả nhiên vợ ông sinh con trai. Ông bèn đặt tên là Đỗ Viết Phú. Từ đấy về sau ông dạy con học rất đáo diết, văn chương ngày càng lỗi lạc, có vẻ ra người nhà văn. Ông lại nghĩ đến gia đình với lời ngâm đúng phải. Đến niên hiệu Chính Hòa thứ 17, khoa Bính Tý ông Đỗ Viết Phú lấy quê mẹ đi thi và đỗ cử nhân thứ 8. Chi này không trở về Thanh hóa nữa.

THỨ CHI HẬU CỨU ĐẠI TỒ

(Đòi thứ chín con cháu chi thứ)

NIÊN HIỆU PHÚC THÁI THỨ SÁU SẮC PHONG CÁN SỰ MẬU LÂM LANG, THỪA NHIỆM, PHÚ BÌNH PHỦ, ĐỒNG CHI PHỦ, VỊNH PHÁI LANG, ĐỖ LỆNH CÔNG, TỰ MINH MÃN, HIỆU NHẬN DUỆ TIÊN SINH

Ông là con trai thứ của cụ Hiến Bá Đỗ Thông Minh, bà là Từ Thái, sinh được ba người con. Mả ông ở Tổ Mối, giỗ này 25 tháng 4 Âm lịch. Mả bà ở đằng trước, giỗ ngày 3 tháng 3 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viết Hồ.

Con trai thứ hai là Đỗ Viết Bồ. Ông này sau làm Chi huyện Nông Cống và huyện Thanh Chương.

Con trai thứ ba là Đỗ Viết Niên.

THỨ CHI HỰU CỬU ĐẠI TỔ

(Đòi thứ chín con cháu chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH PHÚC

Ông là con trai trưởng cụ Chính Nghiêm, bà là Nguyễn Thị Trinh, sinh được bốn người con. Mộ hai ông bà đều ở Cây Đa. Giỗ ông ngày 17 tháng 5 Âm lịch, giỗ bà ngày 19 tháng 4 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Ân, nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Chính Bích.

Con trai thứ ba là Đỗ Chính Đương.

Con trai thứ tư là Đỗ Chính Hạnh.

THỨ CHI HỰU CỬU ĐẠI TỔ

(Đòi thứ chín con cháu chi thứ)

ĐỖ CÔNG, HUÝ TRÌNH, TỰ CHÍNH THÔNG

Ông là con trai trưởng cụ Chính Lễ, má ở cồn Bói. Bà là Từ Vinh, sinh được một người con.

Sau ông lại lấy bà Trịnh Thị Thục và sinh được ba người con trai.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Danh.

Con trai thứ hai là Đỗ Chính Phúc.

Con tri thứ ba là...

THỨ CHI HỰU CỬU ĐẠI TỔ

(Đòi thứ chín con cháu chi thứ)

ĐỖ TƯỚNG CÔNG, HUÝ TUẤN, TỰ THIÊN CHÍNH, THỤY CHÍNH NGHI, HIỆU MINH LƯỢNG TIÊN SINH

Ông là con trai thứ ba cụ Vũ Khê Bá Chính Lễ, giỗ ngày 14 tháng 4 Âm lịch. Sinh được ba người con.

Con trai thứ nhất là Đỗ Toàn.

Con trai thứ hai là Đỗ Bắc.

Con gái là Đỗ Thị Chính.

THỨ CHI HỰU THẬP ĐẠI TỔ

(Đòi thứ mười chi thứ)

NIÊN HIỆU CHÍNH HOÀ NĂM THỨ MƯỜI TÁM, KHOA ĐÌNH SỬU ĐỖ TIẾN SĨ ĐỆ TAM GIÁP, ĐỒNG XUẤT THÂN HOÀNG TIẾN ĐẠI PHU, THÁI BỘC TỰ

KHANH, XUÂN QUANG TỬ, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, TỰ VIẾT HỒ, THỤY CÔNG NGỌC, HIỆU NHÃ THỰC TIÊN SINH

Ông là con trai trưởng cụ Minh Mẫn, bà là Nguyễn Thị Đức, sinh được hai người con. Mả ông ở Hoàng Côn, mả bà ở Mả Biên.

THỨ CHI HỰU THẬP ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười chi thứ)

NIÊN HIỆU VĨNH THỊNH THỨ MƯỜI SẮC PHONG TÁN TRỊ CÔNG THẦN HÌNH BỘ THỊ LANG, TÁN TRỊ HUNG HÓA, THANH HÌNH HIẾN SÁT, TY HIẾN SÁT SỨ, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, TỰ VIẾT NIÊN, THỤY BÌNH LẠC, HIỆU TUY LÝ TIÊN SINH

THỨ CHI HỰU THẬP ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH ÂN

Ông là con trai trưởng cụ Chính Phúc, bà là Tống Thị Thiện, sinh được 4 người con. Hai mả ông bà đều ở cồn Bói. Giỗ ông ngày 19 tháng 4 Âm lịch, giỗ bà ngày 7 tháng 5 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Chính Tâm, nổi nghiệp.

Con trai thứ hai là Đỗ Chính Độ.

Con gái là Đỗ Thị Đàng.

Con gái là Đỗ Thị Ân.

THỨ CHI HỰU THẬP ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG, HUY NGHỆ, TỰ CHÍNH DANH

Ông là con trai trưởng cụ Chính Thông (Con bà vợ lẽ của cụ), bà là Đỗ Thị Thiêm, sinh được sáu người con. Mả ông ở cồn Bói, giỗ ngày 5 tháng Giêng Âm lịch. Mả bà ở cồn Táo, giỗ ngày 24 tháng 3 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Đình Đoan, tên húy là Long, tự Chính Công. Ông lấy bà Tống Thị Tiết ở thôn Yên Lãng, huyện Nội Dương. Niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ 11, khoa Ất Mùi ông lấy quê vợ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ sáu. Con trai là Đỗ Chính Liêm, vợ là Cao Thị Trương, quê ở Tràng Long, huyện Yên Định sinh được 5 người con.

Lại nói ông là người rất ngang ngạnh, sau này ông đi ra Mạch Cốc, huyện Thụy Nguyên dạy học. Đến niên hiệu Vĩnh Khánh năm thứ ba, khoa Ất Hợi lấy quê vợ đi thi và đỗ Thám hoa.

Con trai (thứ hai ?) là Đỗ Thành Nguyên. Ông này tiên phương du học nhân lấy bà Trần Thị Đàng, quê ở xã Lang Xuyên, huyện Đông Yên, tỉnh Hà Nam. Niên hiệu Long Đức, khoa Tân Dậu lấy quê vợ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 17.

Con trai thứ ba là Đỗ Chính Pháp, tên húy là Mát.

Con gái thứ tư là Đỗ Diệu Nhân.

Con gái thứ năm là Đỗ Thị Ý.
Con gái thứ sáu là Đỗ Thị Huệ.

THỨ CHI HỰU THẬP NHẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ mười một chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG, QUÝ NHƠN, TỰ CHÍNH TÂM

Ông là con trai trưởng cụ Chính Ân, bà là Đỗ Thị Quốc, sinh được mười người con. Mả ở Thiện Đò, giỗ ngày 20 tháng 7.

Con trai trưởng là Đỗ Công Chính, tên huý là Duy.

Ông lại lấy bà Nguyễn Thị Từ sinh được một người con là Đỗ Thiện Ích nổi nghiệp.

THỨ CHI HỰU THẬP NHẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ mười một chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG HUÝ MÁT, TỰ CHÍNH PHÁP

Ông là con trai thứ ba cụ Chính Danh, sinh được sáu người con.

THỨ CHI HỰU THẬP NHỊ ĐẠI TỔ

(Đòi thứ mười hai chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG, TỰ THIỆN ÍCH

Ông là con trai cụ Chính Tâm, bà bà Từ Nhân, sinh được sáu người con. Mả ở cồn Hạc, giỗ ngày 16 tháng 5 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Thiện Tích.

Con trai thứ hai là Đỗ Thiện Diên, nổi nghiệp.

Con trai thứ ba là Đỗ Thiện Thận, tên huý là Thế.

Con trai thứ tư là Đỗ Thiện Trương, tên huý là Khanh.

Con gái thứ năm là Đỗ Thị Tài.

Con gái thứ sáu là Đỗ Thị Khương.

THỨ CHI HỰU THẬP TAM ĐẠI TỔ

(Đòi thứ mười ba chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG, TỰ THIỆN DIÊN

Ông là con trai thứ hai cụ Thiện Ích, sinh được ba người con.

Con trai trưởng là Đỗ Văn Hành.

Con trai thứ hai là Đỗ Văn Lễ

Con gái là Đỗ Thị Thịnh.

THỨ THỨ CHI

THỨ THỨ CHI TỨ ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tư thứ của chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG, HUÝ LŨ, TỰ VIÊN NGHỊ

Ông là con trai thứ ba cụ Viên An, bà là Mai Thị Đức, sinh được bốn người con. Mả ông ở Gia Vĩ, giỗ ngày 13 tháng 7 Âm lịch. Mả bà ở cồn Lân, giỗ ngày 6 tháng 6 Âm lịch. Sau ông lại lấy bà Phạm Thị Xuân, ở thôn Mỹ Bồng, huyện Thư Trì, tỉnh Nam Hà và sinh ra ông Đỗ Hoàng. Đến niên hiệu Hồng Đức thứ 27, khoa Bính Thìn lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 29.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Tiến. Ông thông hiểu trăm nghề tài thêm văn võ. Dàn trận bày quân, ra vào như thần không sợ sống chết. Có người bề tôi đình thần tiến cử thăng chức Sùng Tiến trấn quốc Thượng Tướng Quân, Tây Quận Đô Đốc, kiêm quản long Thao Hồ Lược nhị vệ, chỉ huy Thiểm sự Đô chỉ huy sứ, Tiến Quận Công.

Con trai thứ hai là Đỗ Nhật Hoài. Ông là con nhà thế gia có tiếng. Lúc bấy giờ trong nước hòa bình ông vào thi võ để tranh giáp, đoạt tiêu lòng không hổ thẹn. Nhân đi tìm thầy dạy học ông gặp và lấy bà Trần Thị Vinh, người thôn An Bài, huyện Phú Dục, tỉnh Thái Bình. Niên hiệu Hồng Đức năm thứ 27, khoa Bính Thìn ông lấy quê vợ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 25. Sau ông lại sinh ra ông Đỗ Cảnh. Niên hiệu Hồng Đức năm thứ sáu, khoa Giáp Tuất đi thi đỗ tiến sĩ thứ 17.

Sau ông lại lấy bà Mạc Thị Tích, quê ở làng Tứ Xá, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương và sinh ra ông Đỗ Bá Hạng. Đến niên hiệu Đoan Khánh năm đầu, khoa Ất Sửu lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 15.

Con trai thứ ba là Viên Y Đỗ Văn Hiệu. Ông lúc nhỏ đi học nhân gặp và lấy bà Nguyễn Thị Tuyên, người thôn Hậu Tiên, huyện An Sơn, tỉnh Hà Tây. Niên hiệu Cảnh Thống năm thứ hai, khoa Kỷ Mùi lấy quê vợ đi thi. Trong khi vào trường thì gặp người bạn là Lê Đình bị cảm. Ông bỏ hết văn bài để chữa cho ông Lê Đình. Sau khi đã khỏi ông Lê Đình cảm ơn ông mà đem những văn bài đó tạ ông. Ông sao lục lại những văn bài đó mang vào thi và đã đỗ Thám Hoa thứ hai.

THỨ THỨ CHI NGŨ ĐẠI TỔ

(Đòi thứ năm thứ của chi thứ)

NIÊN HIỆU HỒNG THUẬN NĂM THỨ HAI SẮC PHONẤNNÙNG TIẾN PHỤ QUỐC THƯỢNG TƯỚNG QUÂN, NAM QUÂN ĐÔ ĐỐC, QUẢN LONG THAO HỒ LƯỢC NHỊ VỆ, CHỈ HUY THIỂM SỰ, ĐÔ CHỈ HUY SỨ, TIẾN QUẬN CÔNG, HUÝ VĂN LANG, THỤY VĂN TÍN PHỦ QUÂN

Ông là con trai trưởng cụ Viên Nghị, vợ là Trịnh Thị Thục, sinh được 5 người con. Hai mả ông bà đều ở cồn Lãng. Giỗ ông 20 tháng 2 Âm lịch và giỗ bà ngày 27 tháng 3 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Phúc.

Con trai thứ hai là Viên Sùng Đỗ văn Nho. Trong thời gian niên hiệu Thiện Phong, bấy giờ ông đã hơn 40 tuổi, ngụ cư ở núi Sóc Sơn có Thần nhân tặng cho một ngôi đất để sau này con cháu được phát đạt.

Con trai thứ ba là Viên Long Đỗ An. Ông lúc nhỏ học giỏi có tiếng nhưng sau này đi thi không đỗ. Buồn bực quá ông ra ngoài Bắc, đến thôn Lại Ốc huyện Văn Giang ông vào cầu yết đền thờ quan Trạng Đỗ Tôn. Nhân đó ông lấy bà Nguyễn Thị Bằng, người làng Đại Lạc cũng thuộc huyện Văn Giang. Đến niên hiệu Thuận Khúc năm thứ tư ông lấy quê vợ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 17.

THỨ THỨ CHI LỤC ĐẠI TỔ

(Đòi thư sáu thứ của chi thứ)

NIÊN HIỆU VĨNH TỘ NĂM THỨ BA TẶNG CHỨC THÁI BẢO PHÚC QUẬN CÔNG,
ĐỖ TƯỚNG CÔNG, HUÝ VĂN NHO, THỤY VIÊN SÙNG

Ông là con trai thứ hai cụ Viên Tiến, sinh được ba người con trai. Mả ở Bãi Nội, giỗ ngày 25 tháng 4 Âm lịch. Bà là Đỗ Thị Nhất, mả ở Đồng Bái, giỗ ngày 7 tháng 11 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Chính.

Con trai thứ hai là Đỗ Văn truyến.

Con trai thứ ba là Đỗ Viên Thắng.

THỨ THỨ CHI THẤT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ bảy thứ chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ VIÊN CHÍNH

Ông là con trai trưởng cụ Viên Sùng Đỗ văn Nho, sinh được hai người con. Mả ở Đồng Cáo, giỗ ngày 12 tháng 7 Âm lịch. Bà là Đỗ Thị Kính, mả ở Chùa Cũ, giỗ ngày 6 tháng 9 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Mỹ, mất sớm.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Bích.

THỨ THỨ CHI BÁT ĐẠI TỔ

(Đòi thứ tám thứ chi thứ)

ĐỖ QUÝ CÔNG TỰ CHÍNH BÍCH

Ông là con trai cụ Viên Chính, mả ở Đa Đồi. Bà là Đỗ Thị Hiền, mả ở Côn Cú. Giỗ ngày 25 tháng Chạp Âm lịch.

Con trai trưởng huý Lệ, tên là Dạng, tự Nhân Chiêu, thụ Viên Đạt. Giỗ ngày 22 tháng 2 Âm lịch.

Con trai thứ hai huý Diễm, tự Quang Hoa.

THỨ THỨ CHI CỬU ĐẠI TỔ

(Đời thứ chín thứ chi thứ)

NIÊN HIỆU THUẬN ĐỨC NĂM ĐẦU SẮC PHONG QUANG TIẾN THẬN LỘC ĐẠI PHU, THÁI BỘC TỰ THIẾU KHANH, ĐỖ TƯỚNG CÔNG HUÝ LỆ, TỰ NHÂN CHIÊU, THỤY PHỤC THỌ (VIÊN ĐẠT), HIỆU NHÀ THỰC TIÊN SINH

Ông là con trai trưởng cụ Viên Bích, sinh được bốn người con. Mả ở Phi Long, giỗ ngày 25 tháng 6 Âm lịch. Bà là Lê Thị Chinh, mả ở Sơn Nam, giỗ ngày 27 tháng 3 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Quang Chiêu.

Con trai thứ hai là Đỗ Quang Đăng.

THỨ THỨ CHI HỰU CỬU ĐẠI TỔ

(Đời thứ chín thứ của thứ chi thứ)

NIÊN HIỆU ĐỨC LONG NĂM THỨ NĂM SẮC PHONG TÁN TRỊ CÔNG THẦN, ĐẶC TIẾN KIM TỬ VINH, LỘC ĐẠI PHU, SƠN NAM ĐĂNG SỨ, TÁN TRỊ THỪA CHÍNH SỨ TY, THAM NGHỊ TÂY KINH ĐIỆN, THÁI THƯỜNG TỰ KHANH, THỌ LĨNH TỬ, ĐỖ TƯỚNG CÔNG, HUÝ QUANG HOA, TỰ DỤC THIỆN, THỤY CHÂN NHÂN, HIỆU DĨNH ĐẠT TIÊN SINH

Ông là con trai thứ hai cụ Viên Bích, mả ở Đông Sau, giỗ ngày 9 tháng 6 Âm lịch. Bà là Nguyễn Thị Thận, mả ở Đa Vút, giỗ ngày 5 tháng 8 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Quang Vinh, huý Lân, tự Hựu.

Con trai thứ hai là Đỗ Quang Phụ, huý Các, tự Khả.

Con trai thứ ba là Đỗ Quang Bật, huý Lung, tự Dự. Ông được phong Ấm Tử. Ông ra Kinh Thành học tập. Trong thời gian ấy có ông tiến sĩ họ Đông, người làng Thiết Úng làm quan đồng Triều với cụ Quang Hoa. Ông bèn xin cụ Quang Hoa ông cho làm con nuôi, cụ Quang Hoa đồng ý. Từ đây về sau họ của ông được đổi thành họ Đông. Rồi ông được đem về Tam Tảo, Phú Lâm Tiên Du, Bắc Ninh và lấy vợ. Bà vợ này là Hiệu Diệu Minh sinh được sáu người con, ba trai, ba gái. Sau ông lại lấy bà vợ lẽ, người làng Thiết Úng, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Con trai thứ nhất là Đỗ Hoàng Thịnh, ở Thiết Úng.

Con trai thứ hai là Đỗ Nhân Hoàng, ở Tam Tảo.

Con trai thứ ba là... ở Thiết Úng.

Con gái thứ nhất là Đỗ Thị Duyên.

Con gái thứ hai là Đỗ Thị Diễm.

Con gái thứ ba là Đỗ Thị Thiện.

Con gái thứ tư là Đỗ Thị Hợp.

Con gái thứ sáu là Đỗ Thị Loan.

Con gái thứ sáu là Đỗ Thị Sáu.

Lý lịch h cụ Đỗ Quang Bật được ghi rõ ở quyển Gia Phả tiếp theo ở Tam Tảo

THỨ THỨ CHI THẬP ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười thứ chi thứ)

NIÊN HIỆU VĨNH TÔ NĂM THỨ HAI SẮC PHONG MẬU LÂM TÁ LANG, LỄ BỘ THANH LẠI TY VIÊN LẠI LANG, ĐỖ LỆNH CÔNG HUÝ QUANG CHIÊU, TỰ VIÊN CÔNG DANH THẾ, TRƯỜNG CẢN HẬU TIÊN SINH

Ông là con trai trưởng cụ Nhân Chiêu, mà ở Long Mối, giỗ ngày 7 tháng 10 Âm lịch. Bà là Phạm Thị Triết, giỗ ngày 10 tháng 5 Âm lịch.

Con trai trưởng là Đỗ Viên Khang. Ông Viên Khang tên chữ là Quang Định. Lúc còn đương học đã hơn 40 tuổi đi thi không đỗ. Nghĩ buồn ông ra ngoài Bắc tìm anh em nhân gặp và lấy bà Đồng Thị Hạnh, người thôn Hoa Lâm, huyện Đông Anh, nội Thành Hà Nội và sinh ra ông Đỗ Công Quỳnh. Đến niên hiệu Chính Hòa năm thứ sáu lấy quê mẹ đi thi và đỗ tiến sĩ thứ 8.

Con trai thứ hai là Đỗ Viên Thuần.

Con trai thứ ba là Đỗ viên Quảng.

THỨ THỨ CHI HỤU THẬP ĐẠI TỔ

(Đời thứ mười thứ của thứ chi thứ)

ĐỖ LỆNH CÔNG, HUÝ LUNG, TỰ DỰ, DANH QUANG BẬT, HIỆU CƯ GIẢN, THỤY ĐỨC CHÍNH PHỦ QUÂN

Ông là con trai thứ ba cụ Quang Hoa. Trong niên hiệu Khánh đức ông được làm Chi Phủ các Phủ : Thượng Hồng, Nam Sách, Lâm Thao. Sau này ông về lập quê ở Tam Tảo và Thiết Úng. Bà là Hiệụ Diệu Minh, sinh được sáu người con, 3 trai, 3 gái.

PHỤ LỤC: DANH SÁCH KHOA BẢNG

(Gồm Họ và Tên, Chức vụ, Khoa cử, Thôn, Xã, Huyện, Tỉnh)

TỈNH NAM HÀ

01 - Đỗ Thành Nguyên - Tiến sĩ - Tân Dậu - Long Xuyên , Đông Yên - Nam Hà

02 - Đỗ Hoàng - Tiến sĩ - Bính Thìn - Mỹ Bồng , Thư Trì - Nam Hà

TỈNH PHÚC YÊN

03 - Đỗ Đại Uyên - Tiến sĩ - Hương Mạc (Tức thôn Me Cà) , Đông Anh - Phúc Yên

04 - Đỗ Đồi - Tiến sĩ - Giáp Tuất - Xuân Tảo , Tiên Phúc - Phúc Yên

TỈNH THÁI BÌNH

05 - Đỗ Nhật Hoài - Tiến sĩ - Bính Thìn - An Bài , Phú Dực - Thái Bình

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

06 - Đỗ Túc Khang - Tiến sĩ - Bính Thìn - Hà Vĩ (Tức làng Quậy) Đông Ngàn , (Đông Anh) - Hà Nội

07 - Đỗ Thiện Mẫn - Tuấn Dị , Gia Lâm - Hà Nội

08 - Đỗ Việt Phú - Cử nhân - Tuấn Dị , Gia Lâm - Hà Nội

09 - Đỗ Công Quỳnh - Tiến sĩ - Hoa Lâm , Đông Anh - Hà Nội

TỈNH BẮC NINH

10 - Đỗ Quang Bật - Chi Phủ Lâm thao - Thiết Ứng , Đông Anh - Hà Nội và Tam Tảo , Tiên Du - Bắc Ninh

11 - Đỗ Vĩnh - Tiến sĩ - Kỷ Hợi - Ngộ kiều (Tức làng Ngò) , Yên Phong - Bắc Ninh

12 - Đỗ Lệ Trạch - Tiến sĩ - Canh Tuất - Hữu Chấp , Yên Phong - Bắc ninh

13 - Đỗ Quốc - Tiến sĩ - Bính Tuất Xa - Hoa Bắc , Hà - Bắc Ninh

TỈNH BẮC GIANG

14 - Đỗ Văn Miện - Tiến sĩ - Ất Sửu - Hoàng Mai , Yên Dũng - Bắc Giang

15 - Đỗ Văn Trù - Tiến sĩ - Canh Thìn - Yên Linh (Tức làng Nénh) , Yên Dũng - Bắc Giang

16 - Đỗ Chính Niệm - Tiến sĩ - Giáp Thìn - Kha Lý , Vĩnh Yên - Bắc Giang

TỈNH HÀ TÂY

17 - Đỗ Viên Khánh - Tiên Phong , Tiên Phong - Hà Tây

18 - Đỗ Công Cận - Tiến sĩ - Canh Tuất - Tiên Phong - Hà Tây

19 - Đỗ Văn Trung - Tiến sĩ - Ất Sửu - An Trung , Thanh Trì , Hà Tây (Hà Nội)

20 - Đỗ Lý Khiêm - Thám Hoa - Kỷ Mùi - Ngoại Lãng , Thanh Trì - Hà Tây (Hà Nội)

21 - Đỗ Oanh - Tiến Sĩ - Mậu Thìn - Ngoại Lãng , Thanh Trì - Hà Tây (Hà Nội)

22 - Đỗ Cảnh - Tiến sĩ - Ất Sửu - Hoàng Liệt , Từ Liêm - Hà Tây (Hà Nội)

23 - Đỗ Văn Tổng - Tiến sĩ - Canh Thìn - An Khoái , Từ Liêm - Hà Tây (Hà Nội)

24 - Đỗ Công Luận - Tiến sĩ - Kỷ Hợi - An Khoái , Từ Liêm - Hà Tây (Hà Nội)

25 - Đỗ Công Toàn - Tiến sĩ - Kỷ Hợi - An Khoái , Từ Liêm - Hà Tây (Hà Nội)

26 - Đỗ Văn Hăng - Tiến sĩ - Giáp Tuất - Mễ Trì , Từ Liêm - Hà Tây (Hà Nội)

27 - Đỗ Lệnh Danh - Tiến sĩ - Bính Tuất - Cự Lạc , Thanh Trì - Hà Tây (Hà Nội)

28 - Đỗ Công Lang - Tiến sĩ - Giáp Thìn - Đôn Thư , Thường Tín - Hà Tây

29 - Đỗ Đễ - Tiến sĩ - Ất Sửu - Hương Thị , Thạch Thất - Hà Tây

30 - Đỗ Văn Hiệ - Thám Hoa - Ất Sửu - Hữu Tiên , An Sơn - Hà Tây

TỈNH HƯNG YÊN

31 - Đỗ Viên Lục - Tuần Phủ - Đan Nhưỡng , Văn Giang - Hưng Yên

32 - Đỗ Khắc Kính - Tiến sĩ - Giáp Thìn - Văn Giang - Hưng Yên

33 - Đỗ Khắc Niệm - Tiến sĩ - Đinh Mùi - Văn Giang - Hưng Yên

34 - Đỗ Viên Tể - Tiến sĩ - Quý Sửu - Lại Ốc , Văn Giang - Hưng Yên

35 - Đỗ Tôn - Trạng nguyên - Lại Ốc , Văn Giang - Hưng Yên

36 - Đỗ Phổ - Tiến sĩ - Ất Mùi - Lại Ốc , Văn Giang - Hưng Yên

37 - Đỗ Trực - Trạng nguyên - Canh Thìn - Lại Ốc , Văn Giang - Hưng Yên

38 - Đỗ Viên Khuê - Đỗ Xá , Mỹ Hào - Hưng Yên

39 - Đỗ Trác Dỵ - Tiến sĩ - Đinh Mùi - Đỗ Xá , Mỹ Hào - Hưng Yên

40 - Đỗ Hồng - Thám hoa - Canh Thìn - Đỗ Xá , Mỹ Hào - Hưng Yên

41 - Đỗ Công Mạch - Tiến sĩ - Ất Sửu - Thượng Hồng , Gia Lâm - Hưng Yên (Hà Nội)

42 - Đỗ Công Đình - Tiến sĩ - Bính Tuất - Thượng Hồng , Gia Lâm - Hưng Yên (Hà Nội)

43 - Đỗ An - Tiến sĩ - Đại Lạc , Văn Giang - Hưng Yên

TỈNH HẢI DƯƠNG

- 44 - Đỗ Viên Tú - Gia Phúc , Gia Phúc - Hải Dương
45 - Đỗ Vinh - Tiến sĩ - Ất Hợi - Gia Phúc - Hải Dương
46 - Đỗ Viên Diễm - Cẩm Giàng , Ninh Giang - Hải Dương
47 - :Đỗ Bá Linh - Tiến sĩ - Tân Sửu - Cẩm Giàng , Ninh Giang - Hải Dương
48 - Đỗ Phúc Lập - Tiến sĩ - Kỷ Hợi - Cẩm Giàng , Ninh Giang - Hải Dương
49 - Đỗ Văn Chinh - Tuần Phủ - Đoàn Lâm , Gia Phúc - Hải Dương
50 - Đỗ Văn Chú - Tiến sĩ - Bính Thìn - Đoàn Lâm , Gia Phúc - Hải Dương
51 - Đỗ Viên Minh - Cao phong Hầu - Tứ Kỳ , Tứ Kỳ - Hải Dương
52 - Đỗ Duy Kiểm - Tiến sĩ - Canh Tuất - Tứ Kỳ , Tứ Kỳ - Hải Dương
53 - Đỗ Đình Huân - Tiến sĩ - Kỷ Mùi - Tứ Kỳ , Tứ Kỳ - Hải Dương
54 - Đỗ Bá Hạng - Tiến sĩ - Ất Sửu - Từ Xá , Tứ Kỳ - Hải Dương
55 - Đỗ Chương - Tiến sĩ - Mậu Thìn - Quang Bị , Tứ Kỳ - Hải Dương

TỈNH THANH HÓA

- 56 - Đỗ Viên Tính - Quận công,Quốc - Công Vĩnh Lộc - Thanh Hoá
57 - Đỗ Thuận Nhân - Tiến sĩ - Nhâm Thìn - Thạch Bàn, Đông Sơn - Thanh Hoá